

ĐỀ ÁN
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH
TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Tên ngành đào tạo:	Tài chính - Ngân hàng
Mã số	7340201
Tên cơ sở đào tạo:	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An
Trình độ đào tạo:	Đại học

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo.

Trường đại học Kinh tế Nghệ An (tiền thân là trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An) là trường Đại học công lập nằm trong hệ thống giáo dục Đại học Việt Nam trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, có trụ sở chính tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Từ các trường Trung cấp được thành lập từ năm 1960, năm 2005 trường được nâng cấp thành trường Cao đẳng, đến tháng 1 năm 2014 được nâng cấp thành trường Đại học Kinh tế Nghệ An theo Quyết định số 205/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 1 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, hoạt động đào tạo của nhà trường đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, khẳng định được vị thế của trường trong xã hội, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất, nhì, ba và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Căn cứ Đề án thành lập trường, Chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh tế Nghệ An đến năm 2020 và các quy định về điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 09 năm 2017, trường Đại học Kinh tế Nghệ An lập Đề án đăng ký mở ngành đào tạo trình độ Đại học ngành Tài chính - Ngân hàng trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng

Nghệ An là một tỉnh nằm ở vùng kinh tế Bắc Trung bộ, là khu vực được đánh giá có tiềm năng phát triển kinh tế lớn, vì vậy đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển thành một trong những tỉnh thuộc trung tâm kinh tế - xã hội - văn hóa của khu vực Bắc Trung Bộ. Để thực hiện được đề án thành công, cần có các yếu tố như nguồn nhân lực, vật lực, tài chính dồi dào cùng hội tụ. Trong đó nguồn nhân lực là một yếu tố hết sức quan trọng. Đối với Nghệ An, đây là vùng đất còn nhiều khó khăn để phát triển nó. Sự khó khăn này xuất phát từ rất nhiều nguyên nhân khác nhau, một trong những nguyên nhân đó là nhu cầu về nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Thực tế, đội ngũ cán bộ Tài chính - Ngân hàng tại địa phương vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu và đòi hỏi của địa phương cả về số lượng và chất lượng. Các trường Đại học lớn ở Nghệ An và các tỉnh lân cận trong khu vực Bắc Trung Bộ (Thanh Hóa, Hà Tĩnh) như Đại học Vinh, Đại học Quảng Bình, Đại học Hà Tĩnh, Đại học Hồng Đức là những trường đào tạo đa ngành đa cấp nhưng chủ yếu đào tạo trọng tâm là các ngành Sư phạm, Khoa học công nghệ, Nông lâm còn đối với các ngành thuộc lĩnh vực Kinh tế, Tài chính - Ngân hàng với chỉ tiêu đào tạo còn ít (ĐH Vinh chỉ tiêu 200 sinh viên/năm; ĐH Hà Tĩnh chỉ tiêu /năm, ĐH Hồng Đức chỉ tiêu /năm) và chưa phải là ngành đào tạo chủ yếu của trường. Trong khi đó nhu cầu đào tạo Cử nhân Kinh tế nói chung và Tài chính – Ngân hàng nói riêng cho Nghệ An và khu vực Bắc Miền Trung như đã nói ở trên là rất lớn. Theo kết quả Khảo sát về nhu cầu nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng (do Trường Đại học Kinh tế Nghệ An thực hiện trong tháng 02/2018), nhu cầu hiện nay cho ngành này vẫn còn thiếu nhiều.

Đối với trường Đại học Kinh tế Nghệ An, là một trường có tiền thân trường Kinh tế, có bề dày trong đào tạo chủ đạo về các ngành Kinh tế, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng từ bậc Cao đẳng. Khoa Tài chính - Ngân hàng của Trường đã được thành lập cách đây hơn 10 năm, với đội ngũ giảng viên có chuyên môn được đào tạo cơ bản, chuyên sâu và có chất lượng (100% giảng viên có trình độ thạc sỹ trở lên) tại các trường ĐH hàng đầu và có uy tín tại Việt Nam và quốc tế. Khoa đã kinh nghiệm hơn 10 năm trong đào tạo hệ Cao đẳng chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, và các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Kinh tế có liên quan cả hệ Cao đẳng và hệ Đại học. Còn đối với trường Đại học Hà Tĩnh được thành lập năm 2007, lấy nòng cốt là trường cao đẳng sư phạm, việc đào tạo cử nhân kinh tế, Tài chính - Ngân hàng cũng ở cấp độ Khoa.

Hiện nay, trên cả nước có rất nhiều trường đại học đào tạo về Tài chính –

Ngân hàng đặc biệt là các trường Đại học có danh tiếng như Kinh tế quốc Dân, Học viện tài chính, Đại học Ngoại thương, Học viện ngân hàng, Đại học Kinh tế TP HCM,... tuy nhiên điểm đầu vào của các trường này khá cao, phù hợp với những học sinh có học lực trên khá, giỏi, lại tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn ngoài khu vực. Trong khi đó, nhu cầu của người học liên quan đến lĩnh vực này là khá lớn, một số học sinh có học lực khá nhưng không đủ tự tin đăng ký vào các trường đại học có điểm đầu vào cao có thể xem xét để lựa chọn một trường Đại học vừa tầm, đặc biệt là gần nhà để giảm bớt chi phí học tập và sinh hoạt cho người học mà vẫn có thể theo đuổi được ngành học theo nguyện vọng là vô cùng cần thiết. Do vậy, mong muốn của người dân xứ Nghệ với ba triệu người, một vùng vốn có truyền thống hiếu học là muốn có một trường Đại học đào tạo chuyên ngành Kinh tế, Tài chính – Ngân hàng theo nguyện vọng để con em của họ và các tỉnh lân cận không phải đi xa, giảm bớt khó khăn cho quá trình học tập.

Ở khu vực Bắc Trung Bộ nói chung và tỉnh Nghệ An nói riêng hiện có trên 20 Ngân hàng Thương mại với hàng trăm chi nhánh và phòng giao dịch các cấp, hàng trăm doanh nghiệp lớn nhỏ, nhu cầu sử dụng nhân lực cho ngành Tài chính – Ngân hàng là rất lớn. Bên cạnh đó các cơ quan như cơ quan thuế, hải quan, Kho bạc, Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư, ... hay các tổ chức bảo hiểm trong nền kinh tế là những cơ quan tổ chức không thể thiếu, nhu cầu nguồn nhân lực về Tài chính – Ngân hàng là rất nhiều. Ngoài nhu cầu về số lượng đào tạo, thì yếu tố về chất lượng nguồn nhân lực Tài chính - Ngân hàng để đáp ứng cho nhu cầu công việc trong thực tế tại địa phương là chưa cao, những cán bộ kinh tế am hiểu Tài chính - Ngân hàng chưa nhiều. Với mục tiêu là đào tạo các Tài chính gia có kiến thức chuyên sâu phục vụ cho công tác hoạch định chiến lược tài chính - ngân hàng phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường hiện đại tại phương và khu vực là rất cần thiết. Trong tình hình hội nhập có nhiều biến động và chuyển động mạnh mẽ, công tác quản lý, đánh giá, hoạch định chiến về Tài chính - Ngân hàng ở các cơ quan, tổ chức ... hiện nay luôn đòi hỏi phải đánh giá một cách đúng đắn, chính xác; điều này đồng nghĩa với việc các cơ quan, doanh nghiệp, ngân hàng, ... rất cần những cán bộ Tài chính - Ngân hàng có trình độ, có những kiến thức cơ bản, chuyên sâu và hiện đại về tài chính, có năng lực phân tích, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề chuyên môn về tài chính - tín dụng trên giác độ lý luận cũng như thực tiễn.

Trước đòi hỏi của nhu cầu thực tế, hiện nay có rất nhiều các cơ quan, doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tài chính trung gian, ... của cả tỉnh Nghệ An

cũng như khu vực kinh tế Bắc Trung Bộ hàng năm cần phải bổ sung một số lượng rất lớn cử nhân thuộc lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, trong Chiến lược phát triển của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2030 có nêu rõ: « Đến năm 2020, Trường ĐH Kinh tế Nghệ An là địa chỉ tin cậy, có uy tín về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở một số lĩnh vực Kế toán, Kinh tế, Tài chính - Ngân hàng, Quản trị kinh doanh và Nông - Lâm - Ngư nghiệp đạt trình độ ngang tầm với các trường Đại học lớn trong khu vực Bắc Miền Trung ». Với chiến lược phát triển trong tương lai như vậy cũng cho thấy rằng Nhà trường đang cố gắng bằng mọi nỗ lực để mở và phát triển ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng.

Xuất phát từ những lí do trên, việc mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An là hết sức cần thiết.

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.

2.1 Năng lực của cơ sở đào tạo.

2.1.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu của Trường và của ngành Tài chính - Ngân hàng.

Tính đến ngày 01/01/2018, toàn trường có 143 giảng viên cơ hữu (kể cả hợp đồng dài hạn và kiêm nhiệm). Trong đó, số giảng viên cơ hữu có trình độ từ Thạc sĩ trở lên là 132 (chiếm 92,3%), gồm có 119 Thạc sĩ (chiếm 83,2%), 13 Tiến sĩ (chiếm 9,1 %). Số giảng viên có học hàm Phó Giáo sư là 01 (chiếm 0,7%).

Đội ngũ giảng viên cơ hữu và cán bộ khoa học phục vụ ngành đào tạo Tài chính Ngân hàng hiện tại có 122 giảng viên, cán bộ (chiếm 85,31%), hiện tại có khả năng đảm nhiệm được toàn bộ khối lượng tín chỉ của chương trình đào tạo. Các giảng viên cơ hữu giảng dạy có trình độ thạc sĩ trở lên chiếm hơn 90%. Đồng thời Khoa được phân công quản lý ngành đào tạo đảm bảo tối thiểu 01 tiến sĩ và 03 thạc sĩ chuyên ngành đúng với ngành xin phép đào tạo. Tuy số lượng giảng viên cơ hữu của Trường có thể đảm nhiệm 100% các môn giáo dục đại cương, cơ sở và chuyên ngành, nhưng trường sẽ mời thêm giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ có nhiều kinh nghiệm thực tế đến từ doanh nghiệp, các trường đại học, học viện trên địa bàn Tỉnh và khu vực giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm thông qua thông qua các hình thức Workshop, giảng dạy một số chuyên ngành và báo cáo chuyên đề (Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo

chương trình Tài chính – Ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế Nghệ An được nêu tại Phụ lục II của Hồ sơ mã ngành đính kèm).

2.1.2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.

2.1.2.1 Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy.

Trường có 45 giảng đường được trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy chiếu Projector, Loa, âm li... có diện tích bình quân trên 100m²/phòng. Ngoài ra còn có 02 phòng LAB học tiếng nước ngoài với 60 ca bin gồm máy tính và các phụ kiện kèm theo; 6 phòng thực hành máy tính với 180 máy kết nối mạng LAN (*chi tiết tại bảng 2, Phụ lục II*).

2.1.2.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo.

Có phòng đọc và nhiều tài liệu phục vụ cho việc mượn, tra cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các học phần đáp ứng theo yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của ngành đào tạo kế toán trình độ đại học, cụ thể:

- Tổng số diện tích thư viện: 403,5m², trong đó diện tích phòng đọc: 200 m²
- Số chỗ ngồi: 100
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 50 cái
- Phần mềm quản lý thư viện: 1 bộ phần mềm
- Thư viện điện tử: có 01 thư viện điện tử phục vụ tra cứu từ xa và đọc tài liệu nội bộ của trường, thư viện chưa được kết nối với cơ sở đào tạo trong và ngoài nước;
- Số lượng đầu sách, tài liệu: 2.610 đầu sách với 21.500 bản sách; Báo và tạp chí: 62

(Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm trong Hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo)

2.1.2.3 Phòng thực hành nghiệp vụ.

Để đáp ứng nhu cầu thực tập và thực hành của người học dành cho sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng, Nhà trường đã đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học như máy tính kết nối internet, trang bị các mô hình ảo của chuyên ngành, tạo điều kiện cho người học tìm hiểu, nghiên cứu, khai thác và sử dụng thuần thục các nghiệp vụ chuyên môn. (*chi tiết tại Phụ lục II*)

2.1.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên nhà trường tập trung vào lĩnh vực nghiên cứu các đề tài đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế, tài chính tại địa phương và các đề tài cấp trường của khối Kinh tế như ngành Kế toán, Tài chính - Ngân hàng (hệ CĐ), Nông Lâm Ngư (Khoa học cây trồng, chăn nuôi - Thú y, Lâm nghiệp, Thủy lợi,... Từ năm 2000 đến nay, trường

đã chủ trì 07 đề tài cấp tỉnh, cấp Nhà nước liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, đề xuất các cơ chế chính sách về kinh tế, tài chính để đổi mới và hoàn thiện công tác quản lý kế toán xã, để huy động các nguồn lực tài chính cho phát triển cơ sở hạ tầng, cho phát triển kinh tế nông thôn của tỉnh Nghệ An.

Ngoài các đề tài nghiên cứu khoa học, Hội đồng khoa học đã tiến hành thẩm định nhiều Sáng kiến kinh nghiệm phục vụ cho việc dạy và học.

Công tác biên soạn giáo trình, bài giảng liên tục được triển khai, đã thẩm định được hơn 100 đầu sách phục vụ cho việc dạy và học dùng cho hệ Cao đẳng và Trung cấp). Các GV trong trường có rất nhiều các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành có chỉ số Khoa học tin cậy cả trong và ngoài nước. Từ năm 2009 đến nay, Nhà trường đã xuất bản được 27 Tập san “Thông tin Khoa học Kỹ thuật”, đây là nơi để cho giảng viên công bố các công trình khoa học, trao đổi kinh nghiệm và các thông tin về chuyên môn.

2.1.4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Trường đã có quan hệ tốt với các tổ chức nước ngoài trong việc đào tạo phát triển các kỹ năng cho giảng viên và sinh viên, đặc biệt là kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng nghe nói tiếng Anh giáo tiếp do tổ chức WUSC (Tổ chức hỗ trợ Đào tạo Đại học Thế giới Canada), do các chuyên gia và tình nguyện viên của Canada giảng dạy.

Ngoài ra, Trường còn hợp tác với trường Nông nghiệp của Tỉnh Bulikhawmxay (Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào) trong việc đào tạo giúp nước bạn các sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau (Kế toán, tài chính, khoa học cây trồng, chăn nuôi thú y,..v.v...); phòng Khoa học và HTQT kết hợp với Viện phát triển Kinh tế mới thường xuyên tổ chức tham gia các cuộc Hội thảo tại các trường ĐH của nước Thái Lan; ...

Đặc biệt, Nhà trường còn hợp tác với Trung tâm nghiên cứu Sa mạc Ramat Negev của Israel trong việc hỗ trợ tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, giúp sinh viên có cơ hội học tập và làm việc tại nước ngoài, được nâng cao tay nghề và phát huy được những kiến thức đã được học trong quá trình đào tạo.

2.2 Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo.

2.2.1 Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ GDĐT ban hành, khối lượng kiến thức toàn khóa là 127 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng). Trong đó có 32 tín chỉ thuộc khối kiến thức Giáo dục Đại cương; 85 tín chỉ thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp và 10 tín chỉ thuộc phần Thực tập tốt nghiệp chuyên ngành. *(Chi tiết về*

chương trình đào tạo được thể hiện ở Phụ lục I, đính kèm Hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo).

2.2.2 Đối tượng tuyển sinh.

- Là học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương tuyển sinh theo khối kiến thức của ngành;
- Các đối tượng đã học ở bậc học trung cấp và cao đẳng thuộc khối kinh tế có đủ điều kiện sẽ học liên thông lên;
- Các đối tượng đã và đang học bậc đại học đủ điều kiện được liên thông ngang sang ngành Tài chính – Ngân hàng.

2.2.3 Điều kiện tuyển sinh.

- Đối tượng tuyển sinh thực hiện đầy đủ các thủ tục tuyển sinh và dự thi theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thực hiện hàng năm.
- Phải làm thủ tục đăng kí tuyển sinh theo quy định của Trường.
- Phải nộp đầy đủ các hồ sơ theo quy định.
- Đối tượng tuyển sinh phải có đủ sức khoẻ để học tập.

2.2.4 Dự kiến quy mô tuyển sinh trong 3 năm đầu.

- Năm thứ nhất: 50 sinh viên
- Năm thứ 2: 60 sinh viên
- Năm thứ 3: 100 sinh viên

2.2.5 Kế hoạch đào tạo.

Kế hoạch đào tạo toàn khóa được thực hiện trong 4 năm, chia làm 8 kỳ học, mỗi năm 2 kỳ. Thể hiện trong bảng sau:

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết
I	Học kỳ 1		
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 1	2	30
2	Tin học đại cương	3	60
3	Tiếng Anh 1	3	45
4	Toán cao cấp	3	45
5	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	4	60
6	Văn bản trong quản lý	2	30
	Cộng	17	270
II	Học kỳ 2		
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2	3	45

2	Tiếng Anh 2		4	60
3	Lý thuyết thống kê		2	30
4	Kinh tế vi mô		2	30
5	Pháp luật đại cương		3	45
6	Bảo hiểm 1		2	30
	Cộng		16	240
III	Học kỳ 3			
1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán		3	45
2	Văn hóa kinh doanh	Chọn 1 trong 3 học phần	2	30
	Marketing căn bản		2	30
	LS Học thuyết kinh tế		2	30
3	Thống kê doanh nghiệp		2	30
4	Nguyên lý kế toán		3	45
5	Tài chính công		3	45
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	30
	Cộng		15	225
IV	Học kỳ 4			
1	Kinh tế vĩ mô		2	30
2	Quản trị học		2	30
3	Thị trường chứng khoán		3	45
4	Tài chính doanh nghiệp 1		4	60
5	Thuế		4	60
	Cộng		15	255
V	Học kỳ 5			
1	Phân tích Tài chính doanh nghiệp		3	45
2	Kinh tế đầu tư		2	30
3	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam		2	30
4	Nghị vụ Ngân hàng thương mại 1		3	45
5	Tài chính doanh nghiệp 2		4	60
6	Kế toán tài chính		4	60
	Cộng		18	255
VI	Học kỳ 6			
1	Tiếng Anh chuyên ngành		4	60
2	Pháp luật kinh tế		2	30
3	Thẩm định tài chính dự án đầu tư		2	30

4	Bảo hiểm 2	Chọn 3 trong 5 học phần	3	45
5	Tài chính quốc tế		3	45
6	Dịch vụ Ngân hàng hiện đại		3	45
	Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp		3	45
	Công cụ tài chính phái sinh		3	45
	Cộng		17	240
VII	Học kỳ 7			
1	Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại 2		4	60
2	Định giá Tài sản		3	45
3	Kế toán Ngân hàng Thương mại		2	30
4	Nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương	Chọn 3 trong 6 học phần	2	30
5	Tài chính hành vi		2	30
6	Kế toán thuế		2	30
	Kỹ thuật Nghiệp vụ ngoại thương		2	30
	Kế toán máy		2	55
	Nghiệp vụ Hải quan	2	30	
	Cộng		15	280
VIII	Học kỳ 8			
1	Quản trị rủi ro tài chính		4	60
2	<i>Thực tập TN và làm khóa luận</i>	Chọn 1 trong 2 nội dung	10	300
	<i>Các học phần thay thế khóa luận</i>			
	Marketing Ngân hàng		3	45
	Thanh toán quốc tế		3	45
	Mô hình tài chính		4	60
	Cộng		14	360

2.3 Biên bản của Hội đồng Khoa học đào tạo của cơ sở đào tạo thông qua đề án mở ngành đào tạo.

III. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

3.1. Địa chỉ Website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.

www.dhktna.edu.vn

3.2. Đề nghị của cơ sở đào tạo.

Căn cứ vào năng lực của Nhà trường, căn cứ vào nhu cầu nguồn nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và xã hội của tỉnh và các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng, trình độ đại học và được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Kinh tế Nghệ An thông qua.

Nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng cho xã hội, đào tạo cử nhân TCNH có năng lực chuyên môn, được thị trường lao động và xã hội chấp nhận, góp phần cung cấp nguồn lao động chất lượng cho các cơ quan, doanh nghiệp, các trường và cho thị trường lao động, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ, việc mở ngành Tài chính - Ngân hàng là yêu cầu cấp thiết, phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực kinh tế của địa phương, vùng và của cả nước.

Toàn bộ nội dung Hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo mới sẽ được nhà trường đưa lên website của Trường tại địa chỉ: www.dhktna.edu.vn

Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Kinh tế Nghệ An được tổ chức chiêu sinh đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng, trình độ đại học, hệ chính quy từ năm 2018./.

3.3. Cam kết triển khai thực hiện

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An cam kết thực hiện các quy định, quy chế và hướng dẫn về mở ngành đào tạo, thực hiện đào tạo theo các quy định về đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể bao gồm:

- Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT, ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học.

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ban hành ngày 15 tháng 08 năm 2007 về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 18/10/2016 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam).

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 09 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng.

- Quyết định số 159/QĐ-ĐHKT ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An Quy định Đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

Ngoài ra, chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An được xây dựng trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng của một số trường Đại học uy tín trong nước và đồng thời có tiếp thu ý kiến đóng góp của các nhà chuyên môn; các doanh nghiệp; cơ quan Nhà nước, sinh viên đã và đang theo học tại các trường Đại học khác.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên
- UBND Tỉnh NA “đề b/c”.
- Lưu VP, ĐT.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTNA-ĐT ngày tháng năm 2018
của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)*

Tên chương trình: Đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng
Mã ngành: 7340201

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.

1.1. Mục tiêu chung.

Đào tạo cử nhân Tài chính - Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; hiểu biết những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; biết vận dụng và thực hành những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về Tài chính - Ngân hàng; có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc. Sinh viên sau tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các cơ quan, tổ chức ở các cấp từ trung ương đến địa phương. Có khả năng học tập nâng cao trình độ

1.2. Mục tiêu cụ thể.

1.2.1. Về kiến thức.

- Cử nhân Tài chính - Ngân hàng được trang bị kiến thức cơ bản về kinh tế, có kiến thức chuyên sâu về Tài chính - Ngân hàng; có khả năng học tập nâng cao, học liên thông với các chương trình đại học khác cũng như học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp về Tài chính - Ngân hàng.

- Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm, Chứng khoán, Thuế, ..., để nghiên cứu, hoạch định các chính sách và giải quyết các công việc thuộc về chuyên môn Tài chính - Ngân hàng.

1.2.2. Về kỹ năng.

Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, so sánh và xử lý các nghiệp vụ về Tài chính - Ngân hàng trong các tổ chức một cách độc lập; kỹ năng lập và phân tích các báo cáo tài chính; kỹ năng tư vấn tài chính; phân tích và đầu tư tài

chính (chứng khoán, bảo hiểm); kỹ năng quản trị các rủi ro tài chính; kỹ năng kê khai và quyết toán thuế, kỹ năng kinh doanh các dịch vụ ngân hàng hiện đại; kỹ năng định giá các doanh nghiệp trong mua bán, sáp nhập,

Ngoài ra, có các kỹ năng bổ trợ như kỹ năng thực hành phần mềm kế toán; kỹ năng tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng; kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng và khai thác thông tin trên internet; kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình; kỹ năng sử dụng tiếng Anh...

1.2.3. Về thái độ và phẩm chất đạo đức.

- Có ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước.
- Có tinh thần đoàn kết, trung thực, hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp, đối tác;
- Có ý thức trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỉ luật và tác phong công nghiệp.
- Có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, linh hoạt trong công việc; có năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Có ý thức phục vụ xã hội, phục vụ cộng đồng.

1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm việc tại các cơ quan và tổ chức như:
 - + Các cơ quan quản lý Nhà nước, đơn vị hành chính về Tài chính - Ngân hàng như cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc, cơ quan Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư, ... ở các cấp từ Trung ương đến địa phương.
 - + Tại các viện nghiên cứu kinh tế, tài chính, ngân hàng.
 - + Tại các doanh nghiệp thuộc các loại hình và lĩnh vực khác nhau.
 - + Tại các tổ chức tài chính trung gian, công ty dịch vụ tài chính (các Ngân hàng thương mại, công ty Bảo hiểm, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, ...)
- Là các chuyên gia phân tích, đầu tư tài chính độc lập hoặc tự tạo lập công ty cung cấp dịch vụ tài chính, giữ các vị trí liên quan đến quản trị tài chính trong các tổ chức.
- Làm công tác giảng dạy (nếu có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm) tại các trường Đại học, cao đẳng trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm dạy nghề có đào tạo nguồn nhân lực Tài chính - Ngân hàng.

1.2.5 Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.

- Với những kiến thức cơ bản và chuyên sâu được tích lũy từ trong quá trình học, tân cử nhân Tài chính - Ngân hàng có khả năng tự đọc, tự tra cứu và tiếp cận đến hệ thống tài liệu văn bản, giáo trình, sách chuyên khảo, bài báo

khoa học để nâng cao kiến thức chuyên sâu phục vụ cho vị trí công việc cụ thể mà mỗi sinh viên đảm nhận tại tổ chức được tuyển dụng.

- Với kỹ năng và phẩm chất được trau dồi từ trong quá trình đào tạo tại Nhà trường, tân cử nhân Tài chính - Ngân hàng của ĐH Kinh tế Nghệ An tiếp tục trau dồi thêm kỹ năng ở môi trường làm việc thông qua học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với các cán bộ đồng nghiệp, cán bộ quản lý và chuyên gia trong các lĩnh vực mà sinh viên theo đuổi.

1.2.6. Trình độ Ngoại ngữ và Tin học.

Đạt trình độ về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của trường Đại học Kinh tế Nghệ An quy định trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về trình độ ngoại ngữ (Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) và tin học (tương đương trình độ B).

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Về kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung

- Đạt chuẩn về kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo đối với ngành Tài chính - Ngân hàng, hiểu rõ những nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn ở trình độ Đại học (theo QĐ 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 18/10/2016 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam).

- Có kiến thức hiểu biết chung về các lĩnh vực luật pháp, lịch sử, văn hóa xã hội.

- Hiểu rõ những lý luận căn bản về lĩnh vực Tài chính - Tiền tệ và các chức năng cơ bản của Tài chính - Tiền tệ; hiểu rõ hệ thống tài chính và sự vận hành của hệ thống tài chính ở Việt Nam và trên thế giới.

- Vận dụng các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động Tài chính - Tiền tệ thuộc các ngành, lĩnh vực khác nhau trong nền kinh tế - xã hội.

- Có kiến thức về ngoại ngữ: Sinh viên đại học hệ chính quy sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh 400 điểm TOEIC trở lên.

- Có kiến thức về tin học: Đạt trình độ tin học văn phòng tương đương B, có thể giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng các ứng dụng phần mềm của Microsoft Office, sử dụng hiệu quả phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn trong môi trường Internet. Đồng thời có thể sử dụng phần mềm chuyên dùng cho ngành đào tạo theo quy định của trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

- Hiểu các nội dung cơ bản về công tác Quốc phòng - An ninh của Việt Nam trong điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước.

- Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe.

1.1.2. Kiến thức chuyên ngành

- Có kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ tài chính doanh nghiệp, đầu tư tài chính, phân tích tài chính, thuế, bảo hiểm, ... trong các doanh nghiệp.

- Có kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ ngân hàng, kế toán ngân hàng, chứng khoán, thẩm định tài chính, thanh toán quốc tế, marketing ngân hàng, các dịch vụ hiện đại của ngân hàng hay quản lý rủi ro tài chính ở trong các tổ chức Tài chính - Tín dụng.

- Hiểu, phân tích, đánh giá, luận giải các vấn đề liên quan đến Tài chính – Ngân hàng; ứng dụng kiến thức ngành Tài chính - Ngân hàng để hình thành các ý tưởng, xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá các phương án, dự án kinh doanh trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

- Áp dụng được các nguyên lý cơ bản và nâng cao về Tài chính - Ngân hàng để xử lý các bài tập mô phỏng tình huống về lập báo cáo tài chính, định giá tài sản, phân tích thị trường, đầu tư tài chính, quản trị rủi ro tài chính, xây dựng mô hình tài chính, ...

- Ứng dụng kiến thức thực tế và thực tập trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng để hội nhập nhanh với môi trường công việc trong tương lai.

- Có năng lực kiểm chứng các kiến thức được học thông qua các chương trình thực tập, thực tiễn tại doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tài chính và tổ chức xã hội khác để từ đó tự định hướng được mục tiêu và lộ trình phát triển nghề nghiệp của bản thân.

2.2. Về kĩ năng

2.2.1 Kĩ năng cứng

- *Kỹ năng nghề nghiệp.*

Người học có khả năng vận dụng kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng được đào tạo vào thực tiễn hoạt động của các cơ quan, tổ chức mà người học làm việc. Người học có thời gian thực tập, thực hành nghề theo đúng chuẩn của Chương trình đào tạo của Bộ GD&ĐT.

- *Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề.*

Có khả năng lập luận, phân tích chuyên sâu các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, bao gồm phân tích, đánh giá các xu hướng hoạt động của nền kinh tế, của doanh nghiệp, các ngân hàng, các tổ chức tài chính

trung gian; thị trường tài chính, thị trường chứng khoán, ... ; phân tích, đánh giá những vấn đề thường thấy trong kinh doanh ngân hàng như nợ xấu, thẩm định khách hàng; tạo nguồn vốn đầu tư cho khu vực doanh nghiệp, quản lý tài chính, quản trị rủi ro tài chính trong doanh nghiệp v.v... và đưa ra những hướng giải quyết cụ thể trong các tình huống của thực tiễn.

- *Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức.*

Có kỹ năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng như: nghiên cứu tiềm lực tài chính và khả năng quản lý tài chính của doanh nghiệp; nghiên cứu, phân tích và dự báo sự vận động và phát triển của thị trường tài chính để hoạch định chiến lược kinh doanh; dự báo các rủi ro về tài chính và có kế hoạch, chiến lược về quản trị rủi ro tài chính; có kỹ năng tổng hợp và phát triển kiến thức về tái cấu trúc, mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), định giá doanh nghiệp; có khả năng nghiên cứu các hình thức M&A; các dịch vụ ngân hàng hiện đại; ...

- *Kỹ năng tư duy theo hệ thống*

Có khả năng lập luận, tư duy một cách sáng tạo theo hệ thống trên cơ sở kiến thức được đào tạo, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn*

Có năng lực vận dụng kiến thức một cách sáng tạo vào thực tiễn, từ đó hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp của mình; khả năng tích lũy kinh nghiệm thông qua những lần đi thực tế, thực tập, để có thể đảm đương những công việc ở những vị trí khác nhau trong tổ chức.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- Các kỹ năng cá nhân: Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý công việc của bản thân, có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp.

- Làm việc theo nhóm: Có khả năng hình thành, vận hành, phát triển, lãnh đạo nhóm làm việc hiệu quả và khả năng làm việc trong các nhóm làm việc khác nhau.

- Kỹ năng đàm phán, giao tiếp: Có khả năng đàm phán, giao tiếp tốt, bao gồm có kỹ năng thuyết trình và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và văn bản; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail; ...

- Kỹ năng soạn thảo văn bản, soạn thảo các hợp đồng kinh tế.

- Các kỹ năng mềm khác: Có thể sử dụng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và sử dụng được phần mềm thống kê như SPSS,

STATA v.v...; có thể sử dụng thành thạo Internet và các thiết bị văn phòng. Có kỹ năng về ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra.

2.3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ Tài chính - Ngân hàng; có các sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau, tự học tập và tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng..

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA HỌC (Tín chỉ): 127 tín chỉ
(Chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH, DỰ KIẾN QUY MÔ TUYỂN SINH.

4.1 Đối tượng tuyển sinh.

- Là học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương tuyển sinh theo khối kiến thức của ngành;
- Các đối tượng đã học ở bậc học trung cấp và cao đẳng thuộc khối kinh tế có đủ điều kiện sẽ học liên thông lên;
- Các đối tượng đã và đang học bậc đại học đủ điều kiện được liên thông ngang sang ngành Tài chính – Ngân hàng.

Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thực hiện hàng năm.

4.2 Điều kiện tuyển sinh.

- Đối tượng tuyển sinh thực hiện đầy đủ các thủ tục tuyển sinh và dự thi theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thực hiện hàng năm.
- Phải làm thủ tục đăng kí tuyển sinh theo quy định của Trường.
- Phải nộp đầy đủ các hồ sơ theo quy định.
- Đối tượng tuyển sinh phải có đủ sức khỏe để học tập.

4.3 Dự kiến quy mô tuyển sinh trong 3 năm đầu.

- Năm thứ nhất: 50 sinh viên
- Năm thứ 2: 60 sinh viên
- Năm thứ 3: 100 sinh viên

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Quy trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và

Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; theo thông tư 57/2012/ TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ GD và Đào tạo về sửa đổi và bổ sung một số điều của quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quy chế 43/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi phải đảm bảo học xong các học phần bắt buộc và tích lũy đủ 127 tín chỉ theo chương trình đào tạo của ngành; phải hội đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, thông tư 57/2012/TT-BGDĐT; Quyết định số 159/QĐ-ĐHKT ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An về Quy định Đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ.

Thực hiện Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; theo thông tư 57/2012/ TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ GD và Đào tạo về sửa đổi và bổ sung một số điều của quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 159/QĐ-ĐHKT ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An về Quy định Đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1 Nội dung tổng quát.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết			
			Lý thuyết	Thực hành, Bài tập	Tổng	Tự học
1	Kiến thức Giáo dục đại cương	32	299	196	495	990
1.1	Lý luận chính trị	9	84	51	135	270
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa MLN 1	2	12	18	30	60
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa MLN 2	3	30	15	45	90
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9	30	60

4	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	2	21	9	30	60
1.2	Khoa học xã hội	7	60	45	105	210
1.2.1	Các học phần bắt buộc	5	45	30	75	150
5	Pháp luật đại cương	3	15	30	45	90
6	Văn bản trong quản lý	2	30		30	60
1.2.2	Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần sau)	2	15	15	30	60
7	Văn hóa kinh doanh	2	15	15	30	60
	Marketing căn bản	2	15	15	30	60
	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	21	9	30	60
1.3	Ngoại ngữ	7	70	35	105	210
8	Tiếng Anh 1	3	30	15	45	60
9	Tiếng Anh 2	4	40	20	60	120
1.4	Khoa học tự nhiên	9	85	65	150	300
10	Toán cao cấp	3	30	15	45	90
11	Tin học đại cương	3	30	30	60	90
12	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	25	20	45	90
1.5	Giáo dục thể chất	3	10	70	90	120
1.6	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	90	75	165	270
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85	716	559	1275	2550
2.1	Kiến thức cơ sở	30	255	195	450	900
13	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	4	40	20	60	120
14	Kinh tế vi mô	2	15	15	30	60
15	Tiếng Anh chuyên ngành	4	40	20	60	120
16	Quản trị học	2	15	15	30	60
17	Kinh tế đầu tư	2	15	15	30	60
18	Lý thuyết thống kê	2	15	15	30	60
19	Bảo hiểm 1	2	20	10	30	60
20	Kinh tế vĩ mô	2	15	15	30	60
21	Pháp luật kinh tế	2	15	15	30	60
22	Nguyên lý kế toán	3	30	15	45	90
23	Thị trường chứng khoán	3	20	25	45	90
24	Thống kê doanh nghiệp	2	15	15	30	60

2.2	Kiến thức ngành	55	461	364	825	1650
2.2.1	<i>Kiến thức ngành bắt buộc</i>	37	341	259	600	1200
25	Thuế	4	35	25	60	120
26	Tài chính doanh nghiệp 1	4	30	30	60	120
27	Tài chính doanh nghiệp 2	4	30	30	60	120
28	Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại 1	3	25	20	45	90
29	Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại 2	4	35	25	60	120
30	Kế toán tài chính	4	36	24	60	120
31	Quản trị rủi ro tài chính	4	35	25	60	120
32	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	25	20	45	90
33	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	2	20	10	30	60
34	Định giá Tài sản	3	30	15	45	90
35	Tài chính công	3	25	20	45	90
36	Kế toán Ngân hàng thương mại	2	15	15	30	60
2.2.2	<i>Kiến thức ngành tự chọn</i>	15	120	105	225	450
	<i>Chọn 3 trong 5 học phần sau</i>	9	75	60	135	270
37	Bảo hiểm 2	3	25	20	45	90
38	Tài chính quốc tế	3	25	20	45	90
39	Dịch vụ Ngân hàng hiện đại	3	25	20	45	90
	Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp	3	25	20	45	90
	Công cụ tài chính phái sinh	3	25	20	45	90
	<i>Chọn 3 trong 6 học phần sau</i>	6	45	45	90	180
40	Nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương	2	15	15	30	60
41	Kế toán thuế	2	15	15	30	60
42	Nghiệp vụ Hải quan	2	15	15	30	60
	Kế toán máy	2	5	50	55	90
	Tài chính hành vi	2	15	15	30	60
	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	2	15	15	30	60
3	Thực tập tốt nghiệp, làm khóa luận hoặc các học phần thay thế khóa luận (chọn 1 trong 2 nội dung)	10		300	300	600
3.1	<i>Khóa luận</i>	10		300	300	600
3.2	<i>Học phần thay thế khóa luận</i>	10	85	65	150	300
	Marketing ngân hàng	3	25	20	45	90

	Thanh toán quốc tế	3	29	16	45	90
	Mô hình tài chính	4	35	25	60	120
Tổng cộng <i>(Không tính GDQP, GDTC)</i>		127	1015	1055	2070	4140

7.2 Nội dung chi tiết.

STT/ Mã số HP	HỌC PHẦN	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
			LT	TH	Tự học	
1. Kiến thức Giáo dục đại cương						
1.1 Lý luận chính trị						
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa MLN 1	<ul style="list-style-type: none"> - Người học hiểu về thế giới xung quanh, về quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội, tư duy. - Xây dựng thế giới quan, phương pháp luận nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng. - Rèn luyện tư duy biện chứng và vận dụng nó để phát hiện, giải quyết những vấn đề của thực tiễn đặt ra. - Xây dựng kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, xemina một cách hiệu quả. - Từng bước xác lập thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận khoa học chuyên ngành được đào tạo. - Xây dựng và phát triển nhân sinh quan cách mạng, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng. - Vận dụng sáng tạo các nguyên lý, quy luật và cấp phạm trù vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn từ đó rèn luyện và tu dưỡng đạo đức. 	12	18	60	2
2 CT003	Những nguyên lý cơ bản của Chủ	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa 	30	15	90	3

	nghĩa MLN 2	<p>học chuyên ngành được đào tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Có cơ sở để giải thích một số vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế. - Hình thành phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể, kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề kinh tế, chính trị xã hội. - Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Củng cố niềm tin vào con đường xây dựng CNXH ở Việt Nam; Đấu tranh chống những quan điểm sai trái; Có ý thức bảo vệ và phổ biến những quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin. 				
3 CT005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh và những tư tưởng, luận điểm, quan điểm cơ bản diễn ra trong tiến trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; - Phân tích, giải thích được những nội dung tư tưởng, quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; có khả năng vận dụng sáng tạo những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong cuộc sống. - Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa những kiến thức đã thu nhận được của người học; Hình thành và phát triển kỹ năng bình luận, đánh giá, so sánh của người học về những nội dung đã học để vận dụng vào thực tiễn. - Rèn luyện được kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng làm việc theo nhóm, xemina 	21	9	60	2

		<p>một cách hiệu quả; Góp phần rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, hiểu biết đúng đắn, sống, chiến đấu lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. 				
4 CT001	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình được điều kiện lịch sử, quá trình ra đời tất yếu của Đảng - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam. - Hiểu nội dung cơ bản của đường lối chung, đường lối của từng lĩnh vực, từng giai đoạn cụ thể và một số chủ trương của ĐCSVN trong tiến trình lãnh đạo cách mạng. - Có thể đánh giá được quá trình thực hiện đường lối trong thực tiễn CMVN. - Rèn luyện năng lực tư duy độc lập trong quá trình nghiên cứu ĐLCCM của Đảng. - Hình thành tư duy và kỹ năng phân tích, tổng hợp đánh giá những vấn đề liên quan đến môn học. Từ đó, vận dụng kiến thức đã học để chủ động, tích cực nhận thức những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo chủ trương, đường lối, của Đảng. - Rèn luyện kỹ năng viết, có kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả nghiên cứu. - Sinh viên tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng đối với CMVN; hình thành 	21	9	60	2

		tình cảm, niềm tin vào con đường cách mạng mà Bác Hồ và Đảng ta đã vạch ra, dân tộc ta đã lựa chọn; Quyết tâm phấn đấu thực hiện đường lối cách mạng của Đảng.				
1.2 Khoa học xã hội						
1.2.1 Phần bắt buộc						
5	Pháp luật đại cương	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được lịch sử hình thành và nguồn gốc ra đời của nhà nước và pháp luật. - Hiểu nội dung cơ bản của bản chất, chức năng của nhà nước và pháp luật. - Có thể hiểu và xác định được quy phạm pháp luật, cấu trúc của quy phạm pháp luật. Quan hệ pháp luật và các yếu tố cấu thành của quan hệ pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.. - Có thể hiểu được hệ thống pháp luật Việt Nam, trên cơ sở đó tìm hiểu rõ hơn và áp dụng để làm các bài tập tình huống về Luật Hiến Pháp, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và gia đình.... - Rèn luyện được năng lực tư duy độc lập trong quá trình nghiên cứu và thực hiện pháp luật. - Hình thành tư duy và kỹ năng phân tích, tổng hợp đánh giá những vấn đề liên quan đến môn học. Từ đó, vận dụng kiến thức đã học để chủ động, tích cực nhận thức những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước. - Rèn kỹ năng viết, có kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết 	15	30	90	3

		<p>quả nghiên cứu.</p> <p>- Sinh viên tin tưởng vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó hình thành niềm tin, sự tin tưởng và thực hiện tốt các quy định đã được đặt ra trong các văn bản quy phạm pháp luật.</p>				
6	Văn bản trong quản lý	<p>- Hiểu được hệ thống văn bản pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>- Phân tích, phân biệt được các loại văn bản trong hệ thống văn bản pháp luật hiện nay.</p> <p>- Phân tích được vai trò, chức năng và tầm quan trọng của văn bản trong hoạt động quản lý điều hành nhà nước nói chung và các cơ quan, tổ chức đơn vị nói riêng.</p> <p>- Biết và tuân thủ các quy định của pháp luật về nguyên tắc, nội dung trong hoạt động xây dựng và ban hành văn bản.</p> <p>- Hiểu và tuân thủ các quy định về thể thức văn bản.</p> <p>- Rèn luyện kỹ năng viết văn bản, có kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả nghiên cứu.</p> <p>- Rèn luyện kỹ năng xây dựng và ban hành một số văn bản hành chính thông thường. Từ đó, vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học để soạn thảo có tính khả thi cao.</p>	30	0	60	2
<i>1.2.2 Phần tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)</i>						
7	Văn hóa kinh doanh	<p>- Hiểu những kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh; cách thức xây dựng và phát triển văn hóa kinh doanh trong doanh nghiệp; Các phương pháp</p>	15	15	60	2 Tự chọn

		<p>đo lường văn hóa doanh nghiệp; Cách biến đổi văn hóa doanh nghiệp và các trường hợp văn hóa kinh doanh xảy ra trong thực tiễn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành khả năng tư duy logic; có kỹ năng xây dựng và quản trị văn hóa kinh doanh trong một doanh nghiệp từ đó hỗ trợ đắc lực cho nhà quản lý trong việc ra quyết định; - Rèn luyện được thái độ cẩn thận, chín chắn, cầu thị để nâng cao kiến thức về đạo đức nghề nghiệp, lối sống và trong quan hệ công tác. 				
	Marketing căn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về lý thuyết Marketing: Các quan điểm quản trị Marketing, những yếu tố thuộc môi trường Marketing ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. - Có khả năng tư duy logic; có kỹ năng xây dựng các bộ phận chính sách Marketing từ việc quyết định sản phẩm, quyết định giá, quyết định phân phối và quyết định xúc tiến hỗn hợp - Rèn luyện được thái độ cầu thị, đạo đức nghề nghiệp, lối sống và các quan hệ trong công việc. 	15	15	60	2 Tự chọn
CT002	Lịch sử các học thuyết kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được những quan điểm, tư tưởng kinh tế cơ bản của các trường phái kinh tế khác nhau trong lịch sử, phân tích được tác động của các học thuyết đối với quá trình phát triển của các nền kinh tế. - Nhận thức đúng các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước. - Rèn luyện được khả năng tư duy độc lập sáng tạo và biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn; Có thái độ tích 	21	9	60	2 Tự chọn

		cực trong việc vận dụng kiến thức đã học để phục vụ quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.				
1.3 Ngoại ngữ						
8	Tiếng Anh 1	SV sử dụng được một cách thành thạo các thì trong tiếng Anh; mở rộng được lượng từ vựng; có khả năng đọc và hiểu được các đoạn đọc ngắn; nghe và hiểu được những cuộc hội thoại đơn về những chủ đề đã học trình bày được bằng tiếng Anh một số thông tin về bản thân và gia đình, về ước mơ tham vọng, các sự kiện quan trọng trong cuộc sống, kế hoạch công tác cá nhân...	30	15	90	3
9	Tiếng Anh 2	SV sử dụng và phân biệt được một cách thành thạo các thì, các cấu trúc, các hiện tượng ngôn ngữ nâng cao; có khả năng trình bày được bằng tiếng Anh một số số thông tin về đất nước, con người và văn hóa vùng miền, truyền thống, cách giải quyết các vấn đề về tiền bạc...; đọc và hiểu được những sự kiện xã hội, quảng cáo, bài báo viết về những chủ đề quen thuộc.	40	20	120	4
1.4 Khoa học tự nhiên						
10	Toán cao cấp	- Hiểu và trình bày được các khái niệm cơ bản về hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, không gian vectơ, ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính. - Giải thành thạo các bài toán về hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, không gian vectơ, ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính. - Hình thành kỹ năng tư duy logic các	30	15	90	3

		<p>vấn đề trong thực tiễn; kỹ năng dự báo, phân tích và đánh giá trong kinh tế.</p> <p>- Vận dụng toán học trong quá trình thu thập và xử lý thông tin kinh tế - xã hội</p>				
11	Tin học đại cương	<p>- Hiểu được những kiến thức cơ bản về tin học, các khái niệm chung, các thao tác cơ bản trong soạn thảo và tạo bảng biểu, các thao tác cơ bản trong bảng tính...</p> <p>- Hiểu cú pháp và tác dụng của các hàm trong Excel...</p> <p>- Vận hành tốt cách sử dụng và khai thác tốt các phần mềm máy tính như Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft Powerpoint, Internet...</p> <p>- Rèn luyện được khả năng sử dụng tốt máy tính</p> <p>- Vận dụng một số phần mềm thông dụng: Word, Excel, PowerPoint vào thực tế công việc, học tập đồng thời khai thác tốt các ứng dụng của Internet.</p> <p>..</p> <p>- Có thể đánh giá được tầm quan trọng và sự cần thiết của khoa học công nghệ.</p> <p>- Tạo được hứng thú, đam mê nghiên cứu, học tập tin học để không ngừng nâng cao, cập nhật kiến thức, vận dụng vào cuộc sống và công việc...</p>	30	30	90	3
12	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	<p>- Trình bày được các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán như: Các kiến thức về xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, bài toán ước lượng, kiểm định giả thuyết thống kê và ý nghĩa của các kiến thức đó trong thực tế cuộc sống, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật.</p>	25	20	90	3

		<ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết được các bài toán xác suất-thống kê cơ bản. - Biết vận dụng các kiến thức đã được học để phân tích, tổng hợp, xử lý thông tin thu được và đưa ra các kết luận trong lĩnh vực chuyên môn. 				
1.5	<i>Giáo dục thể chất</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nguyên nhân chấn thương trong tập luyện và cách phòng tránh. Tổ chức bắt thăm thi đấu giải thể thao. - Hiểu luật thi đấu cầu long, bóng chuyền, điền kinh. - Thực hiện được các kỹ thuật động tác phát cầu, đập cầu, phát bóng, đệm bóng, nhảy cao nằm nghiêng, chạy 100m. - Hình thành kỹ năng, kỹ xảo động tác. - Rèn luyện kỹ năng tự rèn luyện thể lực nâng cao sức khoẻ bản thân. 	10	70	120	
1.6	<i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học. - Hiểu rõ quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; - Xác định đúng vai trò, vị trí của nê quốc phòng toàn dân trong bảo vệ tổ quốc. - Xác định vai trò của việc xây dựng lực lượng Vũ trang nhân dân Việt Nam - Hiểu và vận dụng kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại - Hiểu về những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam. - Phân biệt tình huống âm mưu, thủ đoạn của thế lực thù địch, thế lực phản động. Vận dụng đường lối cách mạng 	90	75	270	

		<p>của Đảng, nghệ thuật quân sự Việt Nam vào đời sống xã hội góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p> <p>- Thực hiện được tập hợp đội ngũ đơn vị (trung đội); Sử dụng được bản đồ địa hình quân sự; Biết cách phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; Thực hiện được ba môn quân sự phối hợp; Thực hiện luyện tập trung đội bộ binh tiến công.</p> <p>+ Thực hiện luyện tập trung đội bộ binh phòng ngự; Biết bắn súng ngắn; Thực hành sử dụng được một số loại lựu đạn Việt Nam.</p> <p>+ Thực hiện kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p> <p>+ Tự bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tự giác tích cực luyện tập, an toàn trong tập luyện.</p> <p>- Hiểu về cơ cấu tổ chức lực lượng các quân, binh chủng (theo 4 nhóm ngành); Hiểu biết về lịch sử, truyền thống quân, binh chủng (theo 4 nhóm ngành)</p> <p>+ Tham quan các học viện, nhà trường, đơn vị, bảo tàng...</p> <p>+ Phân biệt cơ cấu tổ chức lực lượng các quân, binh chủng các ngành.thu hoạch sau khi tham quan các đơn vị,</p>				
--	--	---	--	--	--	--

		bảo tàng; thực hiện kế hoạch tham quan và viết bài thu hoạch .				
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						
2.1 Kiến thức cơ sở						
13	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được các vấn đề lý luận cơ bản về tài chính – tiền tệ như: Những vấn đề chung về tài chính, tiền tệ, tín dụng; hệ thống tài chính và nội dung chủ yếu của các hoạt động tài chính trong các khâu tài chính như: tài chính nhà nước, Doanh nghiệp, các tổ chức tài chính trung gian, tài chính hộ gia đình, tài chính quốc tế,... - Nhận thức đúng đắn được vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tài chính – tiền tệ trong nền kinh tế - xã hội. - Có khả năng phân tích, đánh giá và liên hệ các vấn đề kinh tế trong thực tiễn, hình thành được nền tảng kiến thức cho các môn học chuyên ngành. 	40	20	120	4
14	Kinh tế vi mô	<ul style="list-style-type: none"> - Người học hiểu và trình bày được các nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô như các vấn đề kinh tế cơ bản, cung, cầu, sự lựa chọn hoạt động kinh tế trong từng đơn vị kinh tế. - Rèn luyện khả năng nghiên cứu về sự lựa chọn để giải quyết ba vấn đề cơ bản của một tổ chức kinh tế các vấn đề cơ bản về cạnh tranh, tối ưu hóa. 	15	15	60	2
15	Tiếng Anh chuyên ngành	Sinh viên tích lũy và vận dụng được vốn từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành, kiến thức chuyên ngành cơ bản, kiến thức về ngôn ngữ chuyên sâu để thảo luận, tra cứu, tham khảo và nghiên cứu tài liệu chuyên ngành thuộc lĩnh vực Tài chính Ngân hàng như lý thuyết về	40	20	120	4

		tiền tệ, ngân hàng, tài khoản, thuế, bảo hiểm ...				
16	Quản trị học	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những kiến thức cơ bản có tính hệ thống về khoa học quản trị; nhận thức các chức năng quản trị trong tổ chức; phát triển một nền tảng tri thức vững chắc trong lĩnh vực quản trị và phát triển các năng lực quản trị để có thể thành đạt trong môi trường kinh doanh tương lai. - Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và ra quyết định, quản lý và xây dựng tổ chức; nâng cao khả năng tư duy và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thực tế công tác. - Sinh viên có niềm đam mê học hỏi, thích thú, năng động, cầu tiến, nghiên cứu trong lý thuyết và vận dụng trong thực tiễn. 	15	15	60	2
17	Kinh tế đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm, bản chất, vai trò, đặc điểm của đầu tư nói chung và đầu tư phát triển nói riêng trong nền kinh tế. - Xem xét, phân loại được các nguồn vốn và giải pháp huy động vốn đầu tư nhằm đáp ứng các yêu cầu của quản lý và nghiên cứu kinh tế. - Có thể phân biệt, đánh giá được kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư. - Rèn luyện được kỹ năng lập dự án và quản lý các dự án đầu tư ở tầm vĩ mô và tầm vi mô, biết áp dụng các mô hình quản lý hiện đại trong quản lý dự án. - Hình thành tư duy và kỹ năng phân tích, tổng hợp, dự báo và trình bày thông tin về hoạt động đầu tư. - Rèn luyện năng lực phân tích, hoạch 	15	15	60	2

		<p>định, thực thi, thẩm định, quản lý các chính sách đầu tư, các dự án đầu tư, chương trình dự án đầu tư trong và ngoài nước trong các lĩnh vực phát triển kinh tế xã hội trên phạm vi Quốc gia, vùng lãnh thổ, địa phương và trong các tổ chức kinh tế - xã hội.</p> <p>- Vận dụng được vào thực tiễn để tham gia giải quyết các vấn đề đặt ra trong quá trình đầu tư phát triển nền kinh tế quốc dân.</p>				
18	Lý thuyết thống kê	<p>- Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản để thu thập thông tin một cách khoa học.</p> <p>- Sinh viên biết diễn giải, chất lọc thông tin đã điều tra.</p> <p>- Sinh viên làm được bài tập và tiếp cận với phương pháp hệ thống chỉ số để phân tích số liệu.</p>	15	15	60	2
19	Bảo hiểm 1	<p>- Hiểu được những kiến thức cơ bản nhất về bảo hiểm, thị trường bảo hiểm.</p> <p>- Đánh giá được tầm quan trọng của bảo hiểm.</p> <p>- Rèn luyện tư duy để người học có thể hiểu sâu hơn các nghiệp vụ bảo hiểm ở học phần Bảo hiểm chuyên sâu.</p>	20	10	60	2
20	Kinh tế vĩ mô	<p>- Hiểu được các nghiên cứu về hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể; những biến động ngắn hạn như tổng cầu và tổng cung.</p> <p>- Phân tích và đánh giá được tác động của các chính sách tới tổng cầu, sự đánh đổi giữa lạm phát và thất nghiệp.</p> <p>- Vận dụng được nghiên cứu về các vấn đề dài hạn của nền kinh tế trên cả 4 góc độ: sản lượng, sản xuất và tăng</p>	15	15	60	2

		trường; việc làm và thất nghiệp; các vấn đề về tiền tệ và giá cả và các vấn đề kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở để giải quyết các tình huống cụ thể trong thực tế của nền KT – XH.				
21	Pháp luật kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được, phân tích được những vấn đề chung về pháp luật Kinh tế, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; - Trình bày được các quy định của pháp luật hiện hành về các chủ thể kinh doanh khác như HTX, hộ gia đình... Các hoạt động thương mại, hợp đồng thương mại, mua bán hàng hoá qua sở giao dịch; - Nhận thức được các quy định về thủ tục phá sản DN, HTX; trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại tại trung tâm trọng tài thương mại và toà án... - SV biết cách vận dụng các quy định của pháp luật kinh tế vào thực tiễn cuộc sống khi tham gia vào một số quan hệ kinh tế - Vận dụng được các quy định của Luật kinh tế vào thực tế khi tham gia một số quan hệ kinh tế - Giải quyết được các bài tập tình huống về doanh nghiệp, hợp đồng, phá sản, tranh chấp thương mại... 	15	15	60	2
22	Nguyên lý kế toán	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các đối tượng kế toán và phân biệt được đối tượng kế toán là tài sản và đối tượng kế toán là nguồn hình thành tài sản. 	30	15	90	3

		<ul style="list-style-type: none"> - Kể ra được hệ thống pháp lý kế toán hiện nay - Phát biểu được khái niệm về chứng từ kế toán và các yếu tố chủ yếu của chứng từ kế toán. Vận dụng lý thuyết trên cơ sở hướng dẫn của giảng viên để thiết kế mẫu 1 chứng từ. - Phát biểu được khái niệm về tài khoản kế toán. Vẽ được kết cấu chung của các loại tài khoản và từ đó làm được định khoản các giao dịch kinh tế phát sinh. - Tính được các loại giá theo yêu cầu của kế toán. Từ đó định khoản được các giao dịch kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp theo các quá trình kinh doanh chủ yếu - Kể được tên sổ kế toán, phát biểu được trách nhiệm, yêu cầu của một kế toán viên. 				
23	Thị trường chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán nói chung (Các bộ phận cơ bản của thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán cơ bản trên thị trường, cách thức phát hành và giao dịch mua bán chứng khoán trên thị trường,...) - Đánh giá được vai trò của thị trường chứng khoán trong nền kinh tế hiện nay. - Rèn luyện khả năng phân tích chứng khoán ở mức độ cơ bản. - Đánh giá được khả năng xảy ra các rủi ro khi đưa ra quyết định đầu tư chứng khoán 	20	25	90	3
24	Thống kê doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên hiểu được thống kê học và đối tượng nghiên cứu. - Sinh viên biết được các khái niệm thường dùng trong thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê, dự đoán thống kê, 	15	15	60	2

		<p>cách tính các mức độ của hiện tượng kinh tế xã hội.</p> <p>- Sinh viên vận dụng kiến thức kết hợp với môn Lý thuyết thống kê để phân tích chỉ tiêu kinh tế bằng phương pháp hệ thống chỉ số.</p>				
2.2 Kiến thức ngành						
2.2.1 Kiến thức ngành bắt buộc						
25	Thuế	<p>- Hiểu và trình bày được những nội dung cơ bản về các loại thuế tiêu dùng, thuế thu nhập, thuế tài sản, lệ phí trước bạ, thuế môn bài liên quan đến đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, đối tượng được miễn thuế; thủ tục kê khai, nộp thuế; nguyên tắc và điều kiện khấu trừ thuế, hoàn thuế.</p> <p>- Xác định được các căn cứ tính thuế, trình bày được phương pháp tính thuế, vận dụng được các phương pháp tính thuế của các loại thuế để làm các bài tập và các tình huống thuế cụ thể.</p> <p>- Hiểu được các nguyên tắc, điều kiện giao dịch điện tử và những nội dung cơ bản trong giao dịch điện tử với cơ quan thuế.</p> <p>- Rèn luyện được năng lực tự nghiên cứu tài liệu trong quá trình nghiên cứu học phần Thuế nhà nước; kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong quá trình học tập.</p>	35	25	120	4
26	Tài chính doanh nghiệp 1	<p>- Hiểu và trình bày được những vấn đề cơ bản về tài chính trong doanh nghiệp như: Chi phí, doanh thu, lợi nhuận trong năm của doanh nghiệp; các loại vốn kinh doanh, quản lý và sử dụng các loại vốn kinh doanh của doanh nghiệp; lãi</p>	30	30	120	4

		<p>suất và đo lường rủi ro của các khoản đầu tư của doanh nghiệp; dòng tiền của dự án đầu tư, đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư dài hạn của doanh nghiệp.</p> <p>- Vận dụng được các kiến thức cơ bản để giải quyết các bài tập và các tình huống thực tế phát sinh liên quan đến xác định nhu cầu vốn, mức trích khấu hao, chi phí, giá thành, doanh thu, lợi nhuận, đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư.</p> <p>-Rèn luyện được kỹ năng làm việc cá nhân và trình bày kết quả trong quá trình học tập.</p>				
27	Tài chính doanh nghiệp 2	<p>- Hiểu và trình bày được cách xác định chi phí sử dụng vốn, cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp.</p> <p>- Phân biệt được các chính sách cổ tức của công ty cổ phần.</p> <p>- Tính toán được các chỉ tiêu tài chính đặc trưng và lập được các kế hoạch tài chính.</p> <p>- Rèn luyện được năng lực tư duy độc lập và kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm cũng như kỹ năng trình bày kết quả trong quá trình học tập và nghiên cứu.</p>	30	30	120	4
28	Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại 1	<p>- Hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về các hoạt động của Ngân hàng thương mại như: những vấn đề chung về Ngân hàng thương mại, nguồn vốn và quản lý nguồn vốn của Ngân hàng thương mại, những vấn đề chung trong cho vay, cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của ngân hàng thương mại, dịch vụ thanh toán của ngân hàng</p>	25	20	90	3

		<p>thương mại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng phân tích, đánh giá, lựa chọn các sản phẩm của ngân hàng phù hợp với khách hàng. - Vận dụng được các phương pháp tính lãi trong các trường hợp huy động và cho vay của ngân hàng vào các tình huống thực tiễn. 				
29	Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại 2	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được những kiến thức về các nghiệp vụ chuyên sâu của Ngân hàng thương mại như: rủi ro của Ngân hàng thương mại và quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh của NHTM; vấn đề về định giá các dịch vụ của NHTM; quản lý nguồn vốn chủ sở hữu và nghiệp vụ phân tích kết quả kinh doanh của NHTM. - Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng, sự kiện về kinh tế, tài chính đồng thời có các quyết định đúng đắn với xu hướng vận động tích cực của nền kinh tế. - Người học vận dụng các kiến thức chuyên sâu để có thể trở thành nhân viên, cán bộ ngân hàng hay các nhà quản lý trong ngành ngân hàng. 	35	25	120	4
30	Kế toán tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nội dung công việc kế toán vốn bằng tiền, các khoản ứng và trả trước; kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ; kế toán TSCĐ; kế toán lao động, tiền lương; kế toán chi phí và giá thành sản xuất; kế toán thành phẩm, bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp; báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Trình bày được phương pháp kế toán các giao dịch kinh tế liên quan đến kế 	36	24	120	4

		<p>toán vốn bằng tiền, các khoản ứng và trả trước; kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ; kế toán TSCĐ; kế toán lao động, tiền lương; kế toán chi phí và giá thành sản xuất; kế toán thành phẩm, bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.</p> <p>Vận dụng thành thạo phương pháp kế toán khi giải quyết các bài tập và các tình huống thực tế phát sinh tại doanh nghiệp liên quan đến các giao dịch kế toán vốn bằng tiền, các khoản ứng và trả trước; kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ; kế toán TSCĐ; kế toán lao động, tiền lương; kế toán chi phí và giá thành sản xuất; kế toán thành phẩm, bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện được năng lực tư duy độc lập trong quá trình nghiên cứu công việc kế toán tài chính trong doanh nghiệp. - Rèn luyện kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả nghiên cứu. - Sinh viên nắm vững hệ thống chế độ, hành lang pháp lý kế toán tài chính vận dụng vào thực tiễn công tác quản lý kinh tế ở các doanh nghiệp. 				
31	Quản trị rủi ro tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được các kiến thức về nhận dạng, phân tích và đo lường rủi ro tài chính, cụ thể là rủi ro tín dụng, rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản. - Hiểu được nội dung về các giải pháp và công cụ quản lý rủi ro tài chính. - Hình thành tư duy và kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan đến rủi ro tài chính. 	35	25	120	4

32	Phân tích tài chính doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những kiến thức cơ bản về lập, đọc, phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp, tổ chức bộ máy phân tích tài chính ở các doanh nghiệp. - Trình bày được nội dung, phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp; vận dụng các phương pháp phân tích để làm các bài tập và các tình huống cụ thể. - Phân tích, đánh giá được các nội dung cơ bản liên quan đến tình hình nguồn vốn, tài sản; hiệu suất sử dụng vốn, tốc độ luân chuyển vốn; khả năng sinh lời; kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cụ thể. - Rèn luyện được khả năng tư duy độc lập; hình thành kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá những vấn đề liên quan đến môn học. 	25	20	90	3
33	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những vấn đề chung về thẩm định dự án đầu tư, trong đó đặc biệt đi sâu vào khía cạnh tài chính của dự án dưới góc độ của nhà đầu tư và các nhà tài trợ vốn, bao gồm các vấn đề về: Vốn đầu tư, lãi suất chiết khấu, dòng tiền,... - Hiểu được tầm quan trọng của việc thẩm định tài chính khi thực hiện một dự án đầu tư - Tính toán được các chỉ tiêu thẩm định tài chính dự án đầu tư, kết luận tính khả thi của dự án và so sánh hiệu quả khi thực hiện các dự án đầu tư 	20	10	60	2
34	Định giá Tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ và trình bày được những vấn đề cơ bản của hoạt động định giá tài sản. 	30	15	90	3

		<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, đánh giá và làm rõ được bản chất, mục đích, nguyên tắc kinh tế chi phối, cơ sở định giá tài sản, quy trình định giá tài sản, các tiêu chuẩn xác định giá trị tài sản gồm bất động sản, các máy thiết bị, giá trị doanh nghiệp. - Vận dụng các phương pháp định giá tài sản trong nền kinh tế thị trường; người học có khả năng hiểu và áp dụng đúng vào thực tiễn khi định giá tài sản có hiệu quả. 				
35	Tài chính công	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được tổng quan về hệ thống Tài chính Nhà nước, các vấn đề cơ bản về Tài chính công và quản lý Tài chính công; các khoản thu, chi và quản lý các khoản thu, chi của Nhà nước, các quỹ Tài chính công và quản lý các quỹ Tài chính công ngoài NSNN; Tổ chức cân đối NSNN. - Người học hiểu được vai trò của các chủ thể, đặc biệt là Nhà nước trong việc huy động và quản lý các nguồn lực tài chính để duy trì, phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. - - Người học vận dụng được các kiến thức đã học phục vụ cho công việc tương lai, đặc biệt là trong các cơ quan Tài chính, Thuế, Kho bạc,... 	25	20	90	3
36	Kế toán Ngân hàng thương mại	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nội dung công việc kế toán nghiệp vụ tiền mặt, nghiệp vụ cho vay, nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ thanh toán. - Trình bày được phương pháp kế toán nghiệp vụ tiền mặt, nghiệp vụ cho vay, nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ thanh toán. - Vận dụng thành thạo phương pháp kế 	15	15	60	2

		<p>toán khi giải quyết các bài tập và các tình huống thực tế phát sinh tại Ngân hàng thương mại liên quan đến các nghiệp vụ tiền mặt, nghiệp vụ cho vay, nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ thanh toán.</p> <p>- Sinh viên hiểu được hệ thống chế độ, hành lang pháp lý kế toán ngân hàng thương mại vận dụng vào thực tiễn công việc quản lý tiền tệ ở các Ngân hàng thương mại.</p>				
2.2.2 Kiến thức ngành tự chọn						
<i>Chọn 3 trong 5 học phần sau</i>						
37	Bảo hiểm 2	<p>- Hiểu và trình bày được các kiến thức về các nghiệp vụ bảo hiểm chuyên sâu trong nền kinh tế thị trường, tiếp thu được các nội dung chi tiết về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thương mại.</p> <p>- Phân tích và đánh giá được các tình huống theo từng nghiệp vụ bảo hiểm trong thực tế.</p> <p>- Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế, phục vụ cho đời sống, công việc.</p>	25	20	90	3 Tự chọn
38	Tài chính quốc tế	<p>- Hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về tỷ giá hối đoái, các nghiệp vụ của thị trường tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế và tài trợ quốc tế.</p> <p>- Phân tích và đánh giá được vai trò của các hoạt động tài chính quốc tế trong nền kinh tế hiện đại.</p> <p>- Người học vận dụng được vào thực tế trong quá trình kinh doanh ngoại hối, đầu tư quốc tế.</p>	25	20	90	3 Tự chọn
39	Dịch vụ Ngân hàng	<p>- Hiểu được các kiến thức về các dịch vụ của ngân hàng hiện đại như dịch vụ</p>	25	20	90	3 Tự

	hiện đại	<p>bao thanh toán, tài trợ xuất nhập khẩu, kinh doanh ngoại tệ, ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có được các kỹ năng quản lý các nghiệp vụ ngân hàng hiện đại bao gồm: phát triển các sản phẩm huy động vốn, cấp tín dụng bằng các hình thức cho vay truyền thống và các hình thức tài trợ hiện đại khác như bao thanh toán, cho thuê tài chính, tài trợ xuất nhập khẩu, tài trợ dự án, và các dịch vụ ngân hàng khác như kinh doanh ngoại tệ, kinh doanh chứng khoán và một số nghiệp vụ khác của ngân hàng thương mại. - Rèn luyện kỹ năng quản lý và ra quyết định như là người phụ trách ở các chi nhánh và phòng ban có liên quan. 				chọn
	Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các kiến thức cơ bản về hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp thông qua hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (M&A). - Rèn luyện kỹ năng tổng hợp & phát triển kiến thức về tái cấu trúc, mua bán sáp nhập doanh nghiệp, định giá doanh nghiệp. - Rèn luyện khả năng nghiên cứu các hình thức M&A đang diễn ra phổ biến ở Việt Nam cũng như trên thế giới, nghiên cứu chuyên sâu các hình thức thực hiện trong một thương vụ M&A cụ thể tại một doanh nghiệp, phân tích các yếu tố để dẫn đến một thương vụ M&A thành công. ... 	25	20	90	3 Tự chọn
	Công cụ tài chính phái sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm về rủi ro và quản trị rủi ro tài chính; hiểu được các hoạt động trên thị trường các công cụ tài chính phái sinh, cụ thể là hợp đồng quyền chọn và hợp đồng tương lai...; trình bày được ứng dụng các công cụ tài chính phái sinh để đầu tư vào các tài sản tài chính như lãi suất, tỷ giá và 	25	20	90	3 Tự chọn

		<p>chứng khoán, cũng như thiết lập các chiến lược bảo hiểm rủi ro do biến động về giá trên thị trường tài chính; Hiểu được hoạt động của thị trường quyền chọn và tương lai. Biết được các đặc điểm của hợp đồng quyền chọn và hợp đồng tương lai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và thực hiện được các chiến lược quản trị rủi ro và đầu tư sử dụng các công cụ tài chính phái sinh. - Rèn luyện khả năng xác định được những rủi ro tài chính tiềm ẩn trong hoạt động của tổ chức nói chung. - Vận dụng các mô hình định giá công cụ tài chính phái sinh. 				
<i>Chọn 3 trong 6 học phần sau</i>						
40	Nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được về Ngân hàng Trung ương, các chính sách tiền tệ và các nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng Trung ương như nghiệp vụ phát hành tiền, điều tiết khối lượng tiền trong lưu thông, nghiệp vụ tín dụng và thanh toán, công tác quản lý ngoại hối, công tác thống kê, công tác thanh tra và kiểm soát nội bộ của Ngân hàng Trung ương. - Người học nhận thức đúng đắn về vị trí quan trọng của Ngân hàng Trung ương; có khả năng đọc, hiểu và phân tích nội dung các văn bản pháp luật hướng dẫn về các nghiệp vụ của Ngân hàng Trung ương; có khả năng phân tích đánh giá các vấn đề nghiệp vụ và làm việc tại Ngân hàng Trung ương. - Rèn luyện kỹ năng tư duy logic về các vấn đề kinh tế - xã hội liên quan đến môn học. 	15	15	60	2
41	Kế toán thuế	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những những kiến 	15	15	60	2

		<p>thức, quy định về thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế bảo vệ môi trường, các loại thuế, phí và lệ phí.</p> <p>- Trình bày được nội dung công việc kế toán thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế bảo vệ môi trường, các loại thuế, phí và lệ phí.</p> <p>- Vận dụng thành thạo phương pháp kế toán khi giải quyết các bài tập và các tình huống thực tế phát sinh tại doanh nghiệp liên quan đến các giao dịch kế toán thuế, phí và lệ phí.</p> <p>- Sinh viên hiểu được hệ thống luật thuế, các Nghị định, thông tư và các văn bản có liên quan để vận dụng vào thực tiễn kê khai, quyết toán và nộp thuế, phí, lệ phí trong doanh nghiệp.</p>				
42	Nghiệp vụ Hải quan	<p>- Hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, thông quan hải quan...</p> <p>- Rèn luyện được các kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ để có đủ điều kiện tham gia vào các hoạt động liên quan đến lĩnh vực hải quan.</p>	15	15	45	2
	Kế toán máy	<p>- Trình bày được lý thuyết nguyên tắc chung khi làm việc trên phần mềm kế toán.</p> <p>- SV trình bày được quy trình thực hiện trên phần mềm và nguyên tắc sử dụng phần mềm kế toán máy (của tất cả các phần mềm)</p> <p>- Từ kiến thức lý thuyết về phần mềm Misa thực hành được trên phần mềm các phân hệ kế toán: phân hệ quỹ, phân</p>	5	50	60	2 Tự chọn

		<p>hệ tiền gửi ngân hàng, phân hệ mua hàng, phân hệ bán hàng, phân hệ TSCĐ, phân hệ lương, phân hệ khác... theo yêu cầu của giảng viên.</p> <p>- SV đánh giá được lợi ích của việc sử dụng phần mềm trong công tác kế toán.</p>				
	Tài chính hành vi	<p>- Hiểu được các khái niệm, các hiện tượng (các đối tượng nghiên cứu) chính và các lý thuyết nền tảng của tài chính hành vi. Cụ thể:</p> <p>+ Các sai lầm trong đánh giá và ra quyết định (biases) và tham chiếu (preferences) của nhà đầu tư cá nhân.</p> <p>+ Các hiện tượng bất thường (anomalies) trên thị trường tài chính.</p> <p>+ Các lý thuyết nền tảng của tài chính hành vi</p> <p>- Sinh viên có khả năng đọc hiểu, so sánh và đánh giá các nội dung nghiên cứu của tài chính hành vi so với các lý thuyết bán cổ điển.</p> <p>- Sinh viên hiểu và ứng dụng được các phương pháp nghiên cứu của tài chính hành vi cho các nghiên cứu sau này.</p> <p>- Sinh viên hiểu và áp dụng các nghiên cứu lý thuyết của tài chính hành vi và ứng dụng cho xây dựng và kiểm định các mô hình thực nghiệm.</p> <p>- Rèn luyện cho người học có tư duy phê phán (critical thinking) khi đánh giá các nghiên cứu về lý thuyết và thực nghiệm trong lĩnh vực tài chính hành vi. Cũng như giúp học viên hiểu được các xu hướng nghiên cứu mới để phát triển đề tài và nghiên cứu sau này.</p>	15	15	60	2
	Kỹ thuật	- Hiểu được những kiến thức căn bản về	15	15	60	2

	nghiệp vụ Ngoại thương	hoạt động ngoại thương cũng như các kỹ thuật để tiến hành một nghiệp vụ ngoại thương cụ thể phát sinh tại doanh nghiệp từ khâu soạn thảo nội dung hợp đồng, đàm phán ký kết hợp đồng đến khâu thực hiện hợp đồng. - Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xử lý tình huống, nghệ thuật đàm phán và kỹ năng ra quyết định; nâng cao khả năng tư duy và năng lực vận dụng các kiến thức về kỹ thuật thực hiện các nghiệp vụ ngoại thương vào thực tế công việc sau này. - Thúc đẩy được sự năng động, tinh thần cầu tiến, niềm đam mê học hỏi, nghiên cứu trong lý thuyết và vận dụng trong thực tiễn.				
3. Thực tập tốt nghiệp, làm khóa luận hoặc các học phần thay thế khóa luận (chọn 01 trong 02 nội dung)						
3.1 Làm khóa luận						
	Khóa luận Tốt nghiệp	- Là báo cáo thực tập tốt nghiệp phản ánh kết quả toàn bộ quá trình thực tập tốt nghiệp. Làm khóa luận tốt nghiệp sẽ tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tổng hợp và nâng cao được các khối kiến thức cùng những kỹ năng đã được học tại trường, sinh viên phải phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học. - Sinh viên phải tổng hợp, hệ thống hóa được toàn bộ các kiến thức và kỹ năng đồng thời vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp; - Rèn luyện khả năng tư duy, nghiên cứu; khả năng lập kế hoạch và giải quyết vấn đề (đề tài) sinh viên lựa chọn;		300	600	

		Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập và phát huy được toàn bộ năng lực cũng như khả năng sáng tạo; Rèn luyện kỹ năng phân tích, xử lý vấn đề lựa chọn. Có sự hỗ trợ của giáo viên hướng dẫn, sinh viên vận dụng những kỹ năng và kiến thức của mình để hoàn thiện khóa luận.				
3.2 Các học phần thay thế						
3.2.1	Marketing ngân hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Người học hiểu được các kiến thức cơ bản về marketing ngân hàng và các công việc marketing cụ thể: nghiên cứu hành vi của khách hàng, nghiên cứu môi trường kinh doanh, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị thương hiệu ngân hàng trên thị trường mục tiêu, xây dựng và thực thi chiến lược marketing hỗn hợp (chiến lược 7P) - Có khả năng vận dụng để phân tích, hình thành và lựa chọn các, đề xuất các ý tưởng marketing một cách hiệu quả cho các NHTM 	25	20	90	3
3.2.2	Thanh toán quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về Thanh toán quốc tế với các nội dung: Các chứng từ cần thiết trong thanh toán quốc tế, nhận định các rủi ro trong thanh toán quốc tế, hoạt động xuất nhập khẩu, các phương tiện dùng trong thanh toán quốc tế, các điều kiện trong thanh toán quốc tế,... - Người học xác định được các công cụ, phương tiện được sử dụng trong thanh toán quốc tế. Vận dụng thành thạo các kiến thức trên để trở thành nhân viên ngân hàng tại các NHTM hay các tổ 	29	16	90	3

		<p>chức tài chính.</p> <p>- Có thái độ nghiêm túc trong quá trình thực hiện các hoạt động thanh toán quốc tế đúng theo quy định của pháp luật và của hệ thống ngân hàng và các tổ chức tài chính.</p>				
3.3.3	Mô hình tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các mô hình tài chính doanh nghiệp, bài toán tối ưu. - Trình bày được các phép tính tài chính cơ bản và chi phí sử dụng vốn - Hiểu được mô hình lập kế hoạch tài chính và định giá doanh nghiệp, mô hình quản lý danh mục đầu tư và tính toán danh mục đầu tư chứng khoán hiệu quả trong trường hợp có bán khống và không có bán khống, tính toán chi phí sử dụng vốn, tính toán giá trị chịu rủi ro-VAR, các mô hình định giá trái phiếu và định giá quyền chọn. - Xây dựng được mô hình bằng bảng tính và xác định các điều kiện ràng buộc và tối ưu khi lập mô hình tài chính. Thiết lập công thức và xây dựng mô hình Forfolio, mô hình quản lý hàng tồn kho và mô hình tối ưu hóa trong điều kiện không chắc chắn. - Lập được mô hình kế hoạch tài chính và sử dụng mô hình báo cáo tài chính để định giá doanh nghiệp, sử dụng các phép toán tài chính để xây dựng mô hình phân tích hoạt động thuê mua tài chính. - Vận dụng mô hình định giá quyền chọn nhị phân, Black-Sholes trong việc phòng ngừa rủi ro danh mục đầu tư. - Xây dựng được chiến lược phòng ngừa rủi ro khi đầu tư vào chứng khoán 	35	25	120	4

		<p>và lập được mô hình cấu trúc kỳ hạn của lãi suất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được vị trí, vai trò của việc lập mô hình kế hoạch tài chính, mô hình danh mục đầu tư chứng khoán, mô hình định giá quyền chọn, mô hình cấu trúc kỳ hạn của lãi suất. - Tích cực tiếp thu kiến thức và có trách nhiệm tự giác trong học tập. - Rèn luyện được năng lực tự nghiên cứu tài liệu và khả năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong quá trình học tập và nghiên cứu. 				
Tổng cộng <i>(Không tính GDQP, GDTC)</i>			1015	1055	4140	127

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính - Ngân hàng được thiết kế dựa trên chương trình khung giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành. Chương trình gồm 127 tín chỉ (không tính khối lượng môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

- Chương trình được biên soạn theo hướng giảm số giờ lý thuyết, giành nhiều thời gian cho thảo luận, bài tập, thực hành thực tập, sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận nhằm gắn với yêu cầu đổi mới các phương pháp dạy và học ở bậc Đại học.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 159/QĐ-ĐHKTNA-ĐT ngày 10/10/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An về việc Quy định về tổ chức quản lý đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

HIỆU TRƯỞNG

**BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ
GIẢNG VIÊN, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN**

- Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Kinh tế Nghệ An.
- Địa chỉ: Số 51, đường Lý Tự Trọng, Phường Hà Huy Tập, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An.

- Thành phần Đoàn kiểm tra:

1. Bà Nguyễn Thị Mai Anh	P.Hiệu trưởng	Trưởng đoàn
2. Ông Tăng Văn Tân	T.Phòng QL Đào tạo	Thư ký
3. Ông Ngô Xuân Thành	T.Phòng TCHC	Ban viên
4. Ông Nguyễn Thế Hải	T.Phòng QL cơ sở vật chất	Ban viên
5. Ông Đoàn Tiến Dũng	T. Khoa Kế toán – Phân tích	Ban viên
6. Ông Trương Quang Ngân	T.Khoa Nông Lâm Ngư	Ban viên
7. Bà Hồ Thị Hiền	P. Khoa Kinh tế - QTKD	Ban viên

- Các nội dung kiểm tra:

1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở.

1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở phân theo các chương trình giảng dạy trong đó bao gồm cả chương trình đang đăng ký mở ngành.

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1. Ngành Kế toán (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ 2574/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2014)						
1	Dương Xuân Thao SN 1961	Tiến sĩ, 1996 Việt Nam	Kinh tế, Kế toán	2008, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
2	Ngô Thị Thanh Hoàn SN 1964, Phó trưởng khoa KT -	Thạc sĩ, 2002 Việt Nam	Kinh tế, Kế toán	1986, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo

	PT kiêm Trưởng bộ môn Kế toán					
3	Trần Cẩm Vân SN 1983	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	Kế toán	2011, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
4	Ngô Thị Thương Huyền SN 1986	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	Kế toán	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
5	Phan Thanh Hà SN 1977	Thạc sĩ, 2008 Việt Nam	Kinh tế, Kế toán phân tích	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
6	Đoàn Tiến Dũng SN 1961, Trưởng khoa KT-PT	Thạc sĩ, 2003 Việt Nam	Kinh tế	1986, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
7	Hoàng Thị Lộc SN 1976, Trưởng bộ môn Thống kê – Phân tích	Thạc sĩ, 2010 Việt Nam	Kinh tế, Kinh tế NN	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
8	Lê Thị Vân Hà, SN 1976, Phó bộ môn Kế toán	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Kinh tế	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
9	Nguyễn Thị Xuân SN 1975	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	Kinh tế, Kế toán Kiểm toán	2013, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
10	Phạm Nguyệt Thương SN 1979	Thạc sĩ, 2008 Việt Nam	Kinh tế, Kinh tế NN	2002, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
11	Hoàng Thị Hiền SN 1981	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	Kinh tế, Kế toán Kiểm toán	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
12	Nguyễn Thị Phương Thảo SN 1983	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	Kinh tế, Thống kê kinh tế	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
13	Nguyễn Thanh Vân, SN 1987	Thạc sĩ, 2014 Việt Nam	Kinh doanh & quản lý, Kế toán	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	

14	Võ Thúy Hằng SN 1987	Thạc sĩ, 2014 Việt Nam	Kinh doanh & quản lý, Kế toán	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
15	Đặng Thị Thảo SN1980, Trưởng khoa QTKD	Tiến sĩ, 2017 Philipin	QTKD	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
16	Lê Thị Xuân SN 1977, Trưởng bộ môn kinh tế	Thạc sĩ, 2006 Việt Nam	Kinh tế	2003, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
17	Nguyễn Lan Anh SN 1983, phó bộ môn Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ, 2010 Việt Nam	QTKD	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
18	Hồ Thị Hiền SN 1981, Phó khoa QTKD	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	Kinh tế	Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
19	Hồ Thị Hoàng Lương SN 1983	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	QTKD	2008, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
20	Hoàng Thị Thúy Hằng SN 1984	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	QTKD	2008, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
21	Ngô Văn Chung SN 1983	Tiến sĩ, 2018, Philipin	QTKD	2013, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
22	Trần Thị Bình, Trưởng Khoa LLCT SN 1977	Tiến sĩ, 2016 Việt Nam	Chính trị	2008, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
23	Nguyễn Thị Tùng SN 1978, Phó Khoa LLCT	Tiến sĩ, 2015 Việt Nam	Chính trị	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
24	Nguyễn Khánh Ly SN 1983, Phó bộ môn TTHCM & ĐLCM ĐCSVN	Thạc sĩ, 2009, Việt Nam	GDH, LL và PPDH GD chính trị	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	

25	Trần Thị Thiên Hương SN 1979	Thạc sĩ, 2008, Việt Nam	Toán học, Giải tích toán	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
26	Phan Thị Thanh Bình SN 1979, Trưởng bộ môn Pháp luật	Thạc sĩ, 2008, Việt Nam	Luật học, Luật kinh tế	2004, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
27	Trần Thị Thu Hà SN 1977, Phó trưởng bộ môn Pháp luật	Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	Luật học, Luật Kinh tế - Quốc tế	2004, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
28	Trần Hà Lan SN 1979, Trưởng bộ môn Toán	Thạc sĩ, 2005, Việt Nam	Toán học, Hình học	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
29	Nguy Văn Thùy SN 1976, Trưởng bộ môn Anh văn	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Tiếng Anh	2004, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
30	Cao Thị Phương Thảo SN 1980	Thạc sĩ, 2008, Việt Nam	Kỹ thuật, Công nghệ thông tin	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
31	Trần Thị Diên SN 1980	Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	Quản lý Hành chính công	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
32	Nguyễn Thị Lan Hương SN 1976	Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	KHGD, LL&PPDH bộ môn tiếng Anh	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
33	Bùi Thị Thanh SN 1980	Thạc sĩ, 2006, Việt Nam	Toán học, XS thống kê toán	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
34	Nguyễn Thị Hải Hậu SN 1979, Phó trưởng bộ môn GDTC	Thạc sĩ, 2006, Việt Nam	GDH, Giáo dục thể chất	2009, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
35	Hồ Chí Quý	Thạc sĩ, 2017	Sư phạm	2011, Trường	Đúng	

	SN 1987	Việt Nam	Thẻ dực, GDQP	ĐHKTN	với hồ sơ	
36	Phạm Thị Mai Hương, SN1979, Phụ trách khoa Tài chính- Ngân hàng	Thạc sĩ,2008 Việt Nam	Kinh tế, Tài chính Ngân hàng	2002, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
37	Đinh Thị Thúy Hằng SN 1983, Trưởng Bộ môn Tài chính – Thuế	Tiến sĩ, 2017 Nhật Bản	Tài chính	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
38	Lê Thị Dung, giảng viên, SN 1988	Thạc sĩ,2014 Việt Nam	KD và QL, Tài chính- Ngân hàng	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
39	Hoàng Thị Huyền SN 1984, Trưởng Bộ môn Ngân hàng – Bảo hiểm	Thạc sĩ,2013 Việt Nam	KD và QL, Tài chính- Ngân hàng	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
40	Lê Thùy Dung SN 1986 Phó Bộ môn Tài chính – Thuế	Thạc sĩ,2013 Việt Nam	KD và QL, Tài chính- Ngân hàng	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
41	Nguyễn Thị Ngọc Liên, SN 1987, Phó Bộ môn Ngân hàng – Bảo hiểm	Thạc sĩ, 2014 Việt Nam	Kinh tế	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
42	Nguyễn Thị Thanh Thương, SN 1988	Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	KD và QL, Tài chính- Ngân hàng	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	

2. Ngành Kinh tế (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ 2574/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2014)

1	Lê Thị Xuân, 1977 Trưởng bộ môn Kinh tế	Thạc sĩ, 2006 Việt Nam	Kinh tế	2003, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
2	Hồ Thị Hiền, 1981	Tiến sĩ, 2017	Kinh tế	2010, Trường	Đúng	Điều

	Phó bộ môn Kinh tế	Việt Nam		ĐHKTNA	với hồ sơ	kiện đào tạo
3	Trần Thị Thanh Hương, 1984	Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	Kinh tế	2013, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
4	Trịnh Thị Lê 1988, giảng viên	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Kinh tế	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
5	Hoàng Thị Hiền, 1981, giảng viên	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	Kinh tế	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
6	Bành Thị Vũ Hằng 1985, giảng viên.	Thạc sĩ, 2017, Việt Nam	Kinh tế	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
7	Ngô Văn Chung, 1983, giảng viên	Tiến sĩ, 2017, Philipin	Quản trị K.Doanh	2013, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
8	Trần Thị Bình 1977, Trưởng khoa LLCT	Tiến sĩ, 2016 Việt Nam	Chính trị	2008, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
9	Hoàng Nam Hưng 1981, giảng viên	Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	Lịch sử	2008, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
10	Nguyễn Quốc Sơn 1978, giảng viên, Trưởng Phòng Công tác sinh viên	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Chính trị học	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
11	Nguyễn Thị Kim Dung, 1979, giảng viên.	Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	LL và PPDH GD chính trị	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
12	Nguyễn Thị Lam 1985, giảng viên	Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	Triết học	2011, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
13	Nguy Văn Thùy, 1976, Trưởng bộ môn Tiếng Anh	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Tiếng Anh	2004, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	

14	Nguyễn Thị Hoài Ly, SN 1983, giảng viên	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Tiếng Anh	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
15	Nguyễn Thị Hà, SN 1980, giảng viên	Thạc sĩ, 2005 Việt Nam	Toán	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
16	Bùi Thị Thanh, 1980, giảng viên	Thạc sĩ, 2005 Việt Nam	Xác suất TK-toán	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
17	Ngô Hà Châu Loan, SN 1987, giảng viên	Thạc sĩ, 2006 Việt Nam	Toán	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
18	Trần Thị Diên, SN 1980, giảng viên	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	Hành chính công	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
19	Đào Nha Trang, 1982 Phó bộ môn Tin học	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	Công nghệ Thông tin	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
20	Trần Thị Thu Hà, 1977, Phó bộ môn Pháp luật	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	Luật kinh tế - Quốc tế	2004, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
21	Phan Thanh Bình, SN 1979, Trưởng bộ môn Luật	Thạc sĩ, 2008 Việt Nam	Luật kinh tế	2004, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
22	Nguyễn Thị Hải Hậu, 1979, Phó bộ môn Thể dục	Thạc sĩ, 2006 Việt Nam	Giáo dục thể chất	2009, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
23	Hồ chí Quý, 1987, giảng viên	Thạc sĩ, 2017, Việt Nam	Thể chất – GDQP	2011, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
24	Đặng Thị Thảo, 1980, Trưởng khoa Quản trị KD	Tiến sĩ, 2017, Philipin	Quản trị K.Doanh	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
25	Nguyễn Lan Anh,	Thạc sĩ, 2009	Quản trị	2006, Trường ĐHKTN	Đúng	

	1983, Phó bộ môn Quản trị KD	Việt Nam (NCS)	K.Doanh	ĐHKTNA	với hồ sơ	
26	Hồ Hoàng Lương, 1983, giảng viên	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	Quản trị K.Doanh	2008, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
27	Lê Thị Hồng Ngọc, 1981, giảng viên	Thạc sĩ, 2009 Việt Nam	Quản trị K.Doanh	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
28	Lê Thị Trang, 1987, giảng viên	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	Quản trị K.Doanh	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
29	Nguyễn Xuân Thọ, 1979, giảng viên	Thạc sĩ, 2012 Việt Nam	Quản trị K.Doanh	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
30	Nguyễn Thị Lan Anh, SN 1989, giảng viên	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Quản trị K.Doanh	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
31	Dương Tiến Dũng SN 1989, giảng viên.	Thạc sĩ, 2017, Việt Nam	Quản trị K.Doanh	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
32	Trần Thị Mai 1987, giảng viên	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Quản trị K.Doanh	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
33	Nguyễn Thị Thùy Linh, 1989, giảng viên	Thạc sĩ, 2017, Việt Nam	Kinh tế	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
34	Lê Thị Mỹ Tâm 1986, giảng viên	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Kinh tế	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
35	Hoàng Thị Thúy Hằng, 1984, giảng viên	Thạc sĩ, 2010 Việt Nam	Quản trị K.Doanh	2008, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
36	Nguyễn Văn Điệp 1987, giảng viên	Thạc sĩ, 2017, Việt Nam	Kinh tế	2011, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
37	Trần Cẩm Vân,	Thạc sĩ, 2013	Kế toán	2011, Trường	Đúng	

	1983, giảng viên	Việt Nam		ĐHKTNA	với hồ sơ	
38	Phạm Thị Mai Hương, 1979, Phụ trách khoa TCNH	Thạc sĩ, 2008 Việt Nam	Kinh tế, Tài chính Ngân hàng	2002, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
39	Đinh Thị Thúy Hằng, 1983, Trưởng bộ môn Tài chính - Thuế	Tiến sĩ, 2017 Nhật Bản	Tài chính	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
40	Hoàng Thị Huyền, 1984, Trưởng bộ môn Ngân hàng - Bảo hiểm	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	KD và QL, Tài chính- Ngân hàng	Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
41	Lê Thị Thùy Dung, 1986, Phó Bộ môn Tài chính - Thuế	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	KD và QL, Tài chính- Ngân hàng	Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	

3. Ngành Quản trị kinh doanh (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ 1115/QĐ-BGDĐT ngày 7/4/2015)

1	Nguyễn Công Nhật, 1980 giảng viên	Tiến sĩ, 2013, Philippin	Quản trị kinh doanh	2014, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
2	Đặng Thị Thảo, 1980, Trưởng khoa QTKD	Tiến sĩ, 2017, Philippin	Quản trị kinh doanh	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
3	Ngô Văn Chung, 1983 giảng viên	Tiến sĩ, 2018, Philippin	Quản trị kinh doanh	2013, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
4	Hoàng Thị Thúy Hằng, 1984 giảng viên	Thạc sĩ 2010 Việt Nam	Quản trị kinh doanh	2008, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
5	Nguyễn Lan Anh, 1983, phó bộ môn Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ 2009 (NCS)	Quản trị kinh doanh	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
6	Hồ Thị Hoàng	Thạc sĩ 2011	Quản trị	2008, Trường ĐHKTN	Đúng	Điều

	Lương, 1983, giảng viên	Việt Nam	kinh doanh	ĐHKTNA	với hồ sơ	kiện đào tạo
7	Lê Thị Hồng Ngọc, 1981 giảng viên	Thạc sỹ 2009 Việt Nam	Quản trị kinh doanh	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
8	Lê Thị Trang, 1987 giảng viên	Thạc sỹ 2013 Việt Nam	Quản trị kinh doanh	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
9	Nguyễn Xuân Thọ, 1979, giảng viên	Thạc sỹ 2012 Việt Nam	Quản trị kinh doanh	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
10	Nguyễn Thị Lan Anh, 1989 giảng viên	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Quản trị kinh doanh	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
11	Dương Tiến Dũng, 1989 giảng viên	Thạc sĩ, 2017 Việt Nam	Quản trị kinh doanh	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
12	Phan Thị Hoa, 1988 giảng viên	Thạc sĩ, 2017, Việt Nam	Quản trị kinh doanh	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
13	Trần Thị Mai, 1987 giảng viên	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Quản trị kinh doanh	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
14	Nguyễn Thị Thùy Linh, 1989 giảng viên	Thạc sĩ, 2017, Việt Nam	Kinh tế	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
15	Hồ Thị Hiền, 1981, Phó bộ môn kinh tế	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	Kinh tế	2010, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
16	Lê Thị Xuân, 1977, trưởng bộ môn kinh tế	Thạc sỹ 2006 Việt Nam	Kinh tế	2003, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
17	Trần Thị Hương, 1984, giảng viên	Thạc sỹ, 2012 Việt Nam	Kinh tế	2013, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
18	Bành Thị Vũ Hằng,	Thạc sĩ, 2017,	Kinh tế	2012, Trường	Đúng	

	1985 giảng viên	Việt Nam		ĐHKTNA	với hồ sơ	
19	Trịnh thị Lê, 1988 giảng viên	Thạc sĩ, 2016 Việt Nam	Kinh tế	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
20	Hoàng Nam Hưng, 1981, Giảng viên	Thạc sỹ, 2013 Việt Nam	Lịch sử	2008, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
21	Trần Thị Bình, 1977 Giảng viên	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Triết học	2008, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
22	Nguyễn Quốc Sơn, 1978, giảng viên	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Chính trị học	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
23	Nguyễn Thị Thúy Cường, 1977 Giảng viên	Tiến sĩ, 2017, Việt Nam	Chính trị	2008, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
24	Ngụy Vân Thùy, 1976, Trưởng bộ môn ngoại ngữ	Thạc sỹ 2010 Việt Nam	Tiếng Anh	2004, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
25	Nguyễn Thị Hoài Ly, 1983, giảng viên	Thạc sỹ 2010 Việt Nam	Tiếng Anh	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
26	Trần Thị Thiên Hương, 1979, giảng viên	Thạc sỹ, 2008, Việt Nam	Toán	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
27	Bùi Thị Thanh, 1980, giảng viên	Thạc sỹ, 2005, Việt Nam	Toán	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
28	Bùi Đình Thắng, 1980, Trưởng khoa Cơ sở	Thạc sỹ, 2006, Việt Nam	Toán	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
29	Trần Thị Diên, 1980, giảng viên	Thạc sỹ 2013 Việt Nam	Hành chính công	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
30	Đào Nha Trang,	Thạc sỹ, 2011	Tin học	2007, Trường	Đúng	

	1982, tổ phó tin học	Việt Nam		ĐHKTNA	với hồ sơ	
31	Trần Thị Thu Hà, 197, giảng viên	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Luật kinh tế	2004, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
32	Phan Thanh Bình, 1979, tổ trưởng tổ Luật	Thạc sỹ, 2008, Việt Nam	Luật kinh tế	2004, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
33	Nguyễn Thị Hải Hậu, 1979, giảng viên	Thạc sỹ, 2006, Việt Nam	GDTC	2009, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
34	Hồ chí Quý, 1987, giảng viên	Thạc sỹ, 2017 Việt Nam	GDQP	2011, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
35	Lê Phương, NH 1985, giảng viên	Thạc sỹ 2013 Việt Nam	Quản trị kinh doanh	2008, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
36	Võ Thị Thúy Hằng, SN 1987, giảng viên	Thạc sỹ, 2014 Việt Nam	Kinh doanh và quản lý	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
37	Hoàng Thị Hiền, SN 1981, giảng viên	Thạc sỹ 2001 Việt Nam	Kinh tế	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
38	Phạm Thị Mai Hương, 1979, giảng viên	Thạc sỹ 2008 Việt Nam	Tài chính	2002, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
39	Đinh Thị Thúy Hằng, 1983	Thạc sỹ 2011 Việt Nam	Tài chính	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
40	Lê Thùy Dung, 1986, giảng viên, Phó bộ môn Tài chính - Thuế	Thạc sỹ 2013 Việt Nam	Kế toán	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
41	Võ Thị Thu Hương, 1985	Cử nhân, 2007 Việt Nam	Kinh tế	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	

42	Phan Thị Thanh Hà, 1977	Thạc sĩ 2008 Việt Nam	Kế toán	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
43	Phạm Thị Nguyệt Thương, 1979, giảng viên	Thạc sĩ, 2008 Việt Nam	Kinh tế	2002, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
4. Ngành Thú y (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ 2575/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2014)						
1	Võ Thị Hải Lê, 1971, Trưởng Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	Tiến sĩ, Việt Nam 2013	Thú y Ký sinh trùng học thú y	1998, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
2	Nguyễn Đình Tường, 1975, Phó Khoa Nông Lâm Ngư	Thạc sĩ, 2008, Việt Nam	Thú y	2014, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
3	Châu Thị Tâm, 1976, Giảng viên	Thạc sĩ, 2015 Việt Nam	Thú y	2009, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
4	Nguyễn Thị Thu Hiền, 1989, Giảng viên	Thạc sĩ, 2015, Việt Nam	Chăn nuôi thú y	2014, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
5	Nguyễn Thị Tùng SN 1978, Phó Khoa LLCT	Tiến sĩ, 2015 Việt Nam	Chính trị	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
6	Nguyễn Quốc Sơn, 1978, TP. QL HSSV	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Chính trị học	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
7	Nguyễn Thị Kim Dung, SN 1979, giảng viên	Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	LL và PPDH GD chính trị	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
8	Nguyễn Thị Lam Sinh năm, 1985, giảng viên	Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	Triết học	2011, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
9	Nguyễn Thị Lan Hương, 1976,	Thạc sĩ, 2012 Việt Nam	Phương pháp giảng	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ	

	giảng viên		dạy tiếng Anh		sơ	
10	Nguy Văn Thùy 1976, Trưởng Bộ môn Anh văn	Thạc sĩ Việt Nam, 2010	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2004, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
11	Bùi Đình Thắng 1980, PT khoa CSCB	Thạc sĩ Việt Nam, 2006	Giải tích Toán học	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
12	Đinh Thị Thu Hương 1979, Trưởng phòng Thanh tra	Thạc sĩ Việt Nam, 2006	Sinh học thực nghiệm	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
13	Phan Thị Thanh Bình 1979, Trưởng Bộ môn Luật	Thạc sĩ Việt Nam, 2008	Luật kinh tế	2004, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
14	Trần Thị Diên 1980, Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam, 2013	Tài chính công	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
15	Lê Viết Vinh, 1980 Phó Khoa CSCB	Thạc sĩ, Việt Nam	Thể dục thể thao Chứng chỉ QP	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
16	Ngô Đăng Vinh, 1988 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	GD Thể chất	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
17	Nguyễn Thị Hải Hậu 1979, Phó bộ môn GD thể chất	Thạc sĩ Việt Nam, 2006	TĐTT Chứng chỉ QP	2009, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
18	Hồ Chí Quý, 1987 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Giáo dục thể chất Chứng chỉ QP	2011, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
19	Nguyễn Tự Cường, 1981, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Giáo dục thể chất	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	

			Chứng chỉ QP		sơ	
20	Hồ Thị Hiền 1980,	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	Quản trị kinh doanh	2010, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
21	Lê Thị Vân Hà, 1976, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2002	Hóa phân tích	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
22	Phan Thị Dung, 1967, cán bộ phòng Đào tạo	Kỹ sư chăn nuôi Việt Nam 2007	Chăn nuôi Thú y	Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
23	Nguyễn Thượng Hải, 1962, Phó phòng Tổ chức - Hành chính	Kỹ sư chăn nuôi thú y Việt Nam, 2007	Chăn nuôi thú y	Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
24	Nguyễn Thị Lê Quyên, 1982, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Sinh học	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
25	Nguyễn Hoàng Tiến, SN 1979, giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Nông học	2009, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
26	Võ Thị Dung 1979, Phó khoa NLN	Thạc sĩ Việt Nam, 2005	Nông nghiệp	2002, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
27	Trần Thị Thu Hà 1977, Phó bộ môn Pháp Luật	Thạc sĩ Việt Nam, 2008	Luật	2004, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	

5. Ngành Quản lý đất đai (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ 2575/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2014)

1	Nguyễn Công Trường, 1977, Trưởng phòng Quản lý khoa học & Hợp tác quốc tế	Tiến sĩ, Nga, 2014	Nông nghiệp	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
2	Trương Quang Ngân	Thạc sĩ, 2004, Việt	QLĐĐ	2003, Trường	Đúng	Điều

	SN 1975, Trưởng Khoa Nông Lâm Ngư	Nam		ĐHKTNA	với hồ sơ	kiện đào tạo
3	Trần Thái Yên SN 1975, Trưởng Bộ môn QLDD	Thạc sỹ, 2007 Việt Nam	QLDD	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
4	Trần Thị Vân SN 1981, giảng viên	Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	QLDD	2009, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
5	Nguyễn Thị Thùy Dung, SN 1988, giảng viên	Thạc sỹ, 2013 Việt Nam	QLDD	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
6	Tăng Văn Tân, SN 1970, Trưởng phòng QL Đào tạo	Thạc sỹ, 2007 Việt Nam	Lâm nghiệp	2003, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
7	Nguyễn Thị Lam SN 1985, giảng viên	Thạc sỹ, 2013, Việt Nam	Triết học	2011, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
8	Nguyễn Thị Kim Dung, SN 1979, giảng viên	Thạc sỹ, 2013, Việt Nam	LL và PPDH Giáo dục chính trị	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
9	Nguyễn Quốc Sơn SN 1978, giảng viên, Trưởng phòng Công tác sinh viên	Thạc sỹ, 2010, Việt Nam	Chính trị học	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
10	Trần Thị Bình SN 1962, Trưởng Khoa LLCT	Tiến sỹ, 2016 Việt Nam	Chính trị học	2008, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
11	Trần Thị Thu Hà SN 1977, Phó bộ môn Pháp luật	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Luật Kinh tế - Quốc tế	2004, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
12	Trần Thị Diên SN 1980, giảng viên	Thạc sỹ, 2013, Việt Nam	Hành chính công	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
13	Hồ Thị Bích Ngọc	Thạc sỹ, 2010,	LL và PPDH	2011, Trường	Đúng	

	SN 1982, Giảng viên	Việt Nam	Giáo dục chính trị	ĐHKTNA	đúng với hồ sơ	
14	Nguyễn Khánh Ly SN 1983, Giảng viên	Thạc sỹ, 2008, Việt Nam	LL và PPDH Giáo dục chính trị	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
15	Nguy Văn Thùy SN 1976, Trưởng bộ môn Anh văn	Thạc sỹ, 2010, Việt Nam	Tiếng Anh	2004, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
16	Dương Thị Hà Lê SN 1990, giảng viên	Thạc sỹ, 2015 Việt Nam	Tiếng Anh	2013, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
17	Nguyễn Thị Lan Hương, SN 1976, giảng viên	Thạc sỹ, 2012, Việt Nam	Tiếng Anh	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
18	Bùi Đình Thắng SN 1980, Trưởng khoa Cơ sở	Thạc sỹ, 2006, Việt Nam	Giải tích toán	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
19	Trần Hà Lan SN 1979, Trưởng bộ môn Toán	Thạc sỹ, 2005, Việt Nam	Hình học	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
20	Lê Thị Vân Hà SN 1976, giảng viên	Thạc sỹ, 2001 Việt Nam	Hóa học	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
21	Cao Thị Phương Thảo SN 1980, giảng viên	Thạc sỹ, 2008, Việt Nam	Công nghệ thông tin	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
22	Đào Thị Nha Trang SN 1982, giảng viên	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Công nghệ thông tin	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
23	Đỗ Ngọc Đài SN 1982, Phó phòng QL Khoa học & HTQT	Tiến sỹ, 2008 Việt Nam	Thực vật	2004, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
24	Nguyễn Văn Toàn SN 1981, Phó Phòng Đào tạo	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Thủy lợi	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	

25	Nguyễn Hoàng Tiến SN 1979, giảng viên	Thạc sỹ, 2013, Việt Nam	Trồng trọt	2009, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
26	Trịnh Sơn Hải SN 1960, giảng viên	Cử nhân, 2003, Việt Nam	Công nghệ thông tin	1989, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
27	Phan Thị Thanh Bình SN 1979, Trưởng bộ môn Pháp luật	Thạc sỹ, 2008, Việt Nam	Luật kinh tế	2004, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
28	Hồ Thị Hiền SN 1981, Phó Khoa QTKD	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	Kinh tế	2010, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
29	Lê Thị Xuân SN 1977, trưởng bộ môn kinh tế	Thạc sỹ, 2006 Việt Nam	Kinh tế	2003, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
30	Trần Thị Lê Na SN 1983, giảng viên	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Hệ thống thông tin	2008, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
31	Hoàng Thị Thúy Hằng SN 1984, giảng viên	Thạc sỹ, 2010 Việt Nam	QTKD	2008, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
32	Trần Thị Lê Na SN 1983, giảng viên	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Hệ thống thông tin	2008, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
33	Nguyễn Thị Trà SN 1987	Kỹ sư, 2009 Việt Nam	Lâm nghiệp	2011, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
34	Nguyễn Xuân Lai SN 1958, Phó Hiệu trưởng	Tiến sĩ	Nông nghiệp	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
35	Võ Thị Dung SN 1977 Phó khoa NLN	Thạc sỹ, 2005 Việt Nam	Nông nghiệp	2002, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
36	Trần Thị Thúy Nga SN 1980	Thạc sỹ, 2008 Việt Nam	Lâm học	2010, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	

37	Vương Thị Thúy Hằng SN 1978	Thạc sĩ, 2007 Việt Nam	Trồng trọt	2003, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
38	Nguyễn Thị Hải Hậu SN 1979, Phó trưởng bộ môn GDTC	Thạc sĩ, 2006, Việt Nam	Giáo dục thể chất	2009, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
39	Ngô Đăng Vinh SN 1987	Thạc sĩ, 2016 Việt Nam	Giáo dục thể chất	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
40	Hồ Chí Quý SN 1987	Thạc sĩ, 2017 Việt Nam	Thể dục, GDQP	2011, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
41	Lê Việt Vinh SN 1980	Thạc sĩ, 2016 Việt Nam	Giáo dục thể chất	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
42	Nguyễn Tự Cường SN 1981	Thạc sĩ, 2017 Việt Nam	Giáo dục thể chất	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
6. Ngành Lâm nghiệp (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ 2575/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2014)						
1	Đỗ Ngọc Đài, 1982 Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Thực vật học	2004, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
2	Tăng Văn Tân, 1970 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Lâm học	2003, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
3	Nguyễn Thị Trà, 1987 Giảng viên	Kỹ sư, 2009, học viên cao học	Lâm nghiệp	2011, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
4	Trần Thị Thúy Nga, 1980 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Lâm học	2010, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
5	Nguyễn Thị Lam, 1985 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	2011, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
6	Nguyễn Thị Kim	Thạc sĩ,	LL và PPDH	2012, Trường	Đúng	

	Dung, 1979, Giảng viên	Việt Nam, 2013	Giáo dục chính trị	ĐHKTNA	với hồ sơ	
7	Nguyễn Quốc Sơn, 1978, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Chính trị học	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
8	Nguyễn Thị Tùng, 1978, Phó Khoa LLCT	Tiến sĩ, 2015 Việt Nam	Chính trị	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
9	Trần Thị Thu Hà, 1977, Tổ phó tổ luật	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Luật kinh tế	2004, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
10	Trần Thị Diên, 1980, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Hành chính công	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
11	Nguyễn Thị Kim Dung, 1983, Giảng viên	Thạc sĩ, 2017, Việt Nam	Hành chính	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
12	Trần Thị Bình, 1977, Trưởng Khoa LLCT	Tiến sĩ, 2016 Việt Nam	Chính trị	2008, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
13	Dương Thị Hà Lê SN 1990	Thạc sĩ, 2015 Việt Nam	Tiếng Anh	2013, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
14	Nguyễn Thị Lan Hương, 1976, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
15	Nguy Văn Thùy, 1976 Tổ phó tổ Anh văn	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
16	Nguyễn Thị Hà, 1980 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2005	Toán học	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
17	Ngô Hà Châu	Thạc sĩ,	Đại số và	2012, Trường	Đúng	

	Loan, 1987 Giảng viên	Việt Nam, 2012	lý thuyết số	ĐHKTNA	với hồ sơ	
18	Cao Thị Phương Thảo, 1980 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Công nghệ Thông tin	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
19	Lê Thị Hoàng, 1981, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Hóa phân tích	Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
20	Lê Thị Vân Hà, 1976, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2002	Hóa phân tích	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
21	Đinh Thị Thu Hương, 1979, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Sinh học thực nghiệm	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
22	Lê Viết Vinh, 1980 Phó Khoa CSCB	Thạc sĩ, 2016 Việt Nam	Chính trị	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
23	Ngô Đăng Vinh, 1988 Giảng viên	Thạc sĩ, 2016 Việt Nam	GD Thể chất	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
24	Nguyễn Thị Hải Hậu, 1979, Tổ phó tổ TD-QP	Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	TĐTT Chứng chỉ QP	2009, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
25	Hồ Chí Quý, 1987 Giảng viên	Thạc sĩ, 2017 Việt Nam	SP thể dục- Quốc phòng	2011, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
26	Nguyễn Tụ Cường, 1981 Giảng viên	Thạc sĩ, 2017 Việt Nam	TĐTT Chứng chỉ QP	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
27	Vương Thúy Hằng, 1978 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Trồng trọt	2003, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
28	Võ Thị Dung, 1977 Phó khoa Nông Lâm Ngư	Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Nông nghiệp	2002, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
29	Trương Quang	Thạc sĩ, Việt	Quản lý đất	2003, Trường	Đúng	

	Ngân, 1975, Giảng viên	Nam, 2005	đai	ĐHKTNA	với hồ sơ	
30	Nguyễn Hoàng Tiến, 1979 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Trồng trọt	2009, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
31	Nguyễn Thị Lệ Quyên, 1982 Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008 (NCS, 2014)	Lâm nghiệp	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
32	Phan Thị Thanh Bình, 1979, Tổ trưởng tổ Luật	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Luật kinh tế	2004, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
33	Nguyễn Công Trường, 1977, Trưởng phòng Quản lý khoa học & Hợp tác quốc tế	Tiến sĩ, Nga, 2014	Nông nghiệp	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
34	Nguyễn Xuân Lai, 1958 Giảng viên	Tiến sỹ, Tiệp khắc	Chọn giống cây trồng	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
35	Lê Thị Xuân, 1977 Trưởng bộ môn Kinh tế	Thạc sỹ, Việt Nam, 2006	Kinh tế	2003, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
36	Đào Thị Nha Trang, 1982 Tổ phó tổ tin	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Hệ thống Thông tin	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	

7. Ngành Khoa học cây trồng (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ 2575/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2014)

1	Nguyễn Xuân Lai 1958, Phó Hiệu Trưởng	Thạc sĩ, Tiệp Khắc, 1995	Chọn giống cây trồng	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
2	Võ Thị Dung 1977, Phó khoa NLN	Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Nông nghiệp	2002, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
3	Vương Thị Thúy Hằng 1978	Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Nông học	2003, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo

					sơ	tạo
4	Nguyễn Hoàng Tiến 1979	Thạc sĩ, Việt Nam , 2013	Nông học	2009, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
5	Nguy Văn Thùy 1976– Trưởng bộ môn Ngoại ngữ	Thạc sĩ, Việt Nam , 2010	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2004, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
6	Nguyễn Thị Hoài Ly 1983	Thạc sĩ, Việt Nam , 2011	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
7	Nguyễn Thị Thiên Hương 1979	Thạc sĩ, Việt Nam , 2008	Giải tích Toán học	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
8	Trần Hà Lan, 1979, Tổ trưởng bộ môn Toán	Thạc sĩ, Việt Nam , 2005	Hình học giải tích	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
9	Đào Thị Nha Trang, 1982, Tổ phó bộ môn Tin học	Thạc sĩ, Việt Nam , 2012	Công nghệ Thông tin	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
10	Cao Thị Phương Thảo, 1980, giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam , 2008	Công nghệ Thông tin	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
11	Phan Thị Thanh Bình 1979, Tổ trưởng bộ môn Luật	Thạc sĩ, Việt Nam , 2008	Luật kinh tế	2004, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
12	Lê Viết Vinh 1980, Phó CN Khoa Cơ sở	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Giáo dục thể chất Chứng chỉ QP	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
13	Trần Thị Diên, 1980	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Hành chính công	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
14	Trần Thị Thu Hà	Thạc sĩ, Việt	Luật kinh tế	2004, Trường	Đúng	

	1977, Tổ phó tổ bộ môn Luật	Nam , 2012		ĐHKTNA	với hồ sơ	
15	Đinh Thị Thu Hương 1979, Trưởng phòng TTKT&KĐCL	Thạc sĩ, Việt Nam , 2007	Sinh học	Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
16	Lê Thị Vân Hà 1976	Thạc sĩ, Việt Nam, 2002	Hóa học	2006, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
17	Nguyễn Thị Mai Anh 1965, Phó Hiệu trưởng	Thạc sĩ, Việt Nam, 2003	Chính trị học	1986, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
18	Nguyễn Khánh Ly 1983	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	LL và PPDH Giáo dục chính trị	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
19	Nguyễn Thị Kim Dung 1979	Thạc sĩ, Việt Nam , 2013	LL và PPDH Giáo dục chính trị	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
20	Nguyễn Thị Lam 1985	Thạc sĩ, Việt Nam , 2013	Triết học	2011, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
21	Đỗ Ngọc Đài 1982, Phó phòng NCKH & HTQT	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Sinh học	2004, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
22	Tăng Văn Tân, 1970, Trưởng Phòng QL Đào tạo	Thạc sĩ, Việt Nam , 2007	Lâm nghiệp	2003, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
23	Trần Thái Yên 1975, Tổ trưởng tổ bộ môn Địa chính	Thạc sĩ, Việt Nam , 2007	Nông nghiệp	2007, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
24	Nguyễn Thị Thùy Dung 1988	Thạc sĩ, Việt Nam , 2013	QLĐĐ	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
25	Trương Quang	Thạc sĩ, Việt	Nông nghiệp	2003, Trường	Đúng	

	Ngân 1975 Trưởng khoa Nông lâm ngư	Nam, 2005		ĐHKTNA	với hồ sơ	
26	Nguyễn Thị Lê Quyên 1982	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Sinh học	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
27	Nguyễn Văn Toàn 1981 Phó phòng Đào tạo	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Thủy lợi	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
28	Đặng Thị Thảo 1980, Trưởng khoa Quản trị kinh doanh	Tiến sĩ, 2017, Philippin	QTKD	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
29	Lê Thị Hoàng 1981	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Hóa học	Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
30	Hồ Thị Hiền 1981 Phó Khoa Quản trị kinh doanh	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	QTKD	2010, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	

8. Ngành Tài chính - Ngân hàng (Đăng ký mở mã ngành)

1	Đinh Thị Thúy Hằng SN 1983, Trưởng Bộ môn Tài chính - Thuế	Tiến sĩ, 2017 Nhật Bản	Tài chính	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
2	Phạm Thị Mai Hương, SN1979, Phụ trách khoa Tài chính- Ngân hàng	Thạc sĩ, 2008 Việt Nam	Kinh tế, Tài chính Ngân hàng	2002, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
3	Lê Thùy Dung SN 1986	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	KD và QL, Tài chính- Ngân hàng	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
4	Nguyễn Anh Tuấn SN 1990	Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Kinh tế, Tài chính – Ngân hàng	2013, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo

5	Ngô Thị Thảo SN 1991	Thạc sĩ, 2017, Việt Nam	Tài chính – Ngân hàng	2014, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
6	Nguyễn Thị Bích Hằng SN 1991	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Tài chính – Ngân hàng	2016, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
7	Thái Đình Hoàng SN 1990	Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Tài chính – Ngân hàng	2016, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
8	Ngô Thị Tú Oanh SN 1989	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Tài chính – Ngân hàng	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
9	Phạm Thị Hoài Thanh SN 1988	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Tài chính – Ngân hàng	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
10	Nguyễn Thị Thanh Tú SN 1989	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Tài chính – Ngân hàng	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	Điều kiện đào tạo
11	Lê Thị Dung SN 1988	Thạc sỹ, 2014 Việt Nam	KD và QL, Tài chính- Ngân hàng	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
12	Hoàng Thị Huyền SN 1984	Thạc sỹ, 2013 Việt Nam	KD và QL, Tài chính- Ngân hàng	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
13	Nguyễn Thị Ngọc Liên SN 1987	Thạc sĩ, 2014 Việt Nam	Kinh tế	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
14	Nguyễn Thị Thanh Thương SN 1988	Thạc sỹ, 2014 Việt Nam	KD và QL, Tài chính - Ngân hàng	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
15	Đoàn Tiến Dũng SN 1961, Trưởng khoa KT-PT	Thạc sỹ, 2003 Việt Nam	Kinh tế	1986, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
16	Lê Thị Vân Hà 1976	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh tế, Kế toán	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ	

					sơ	
17	Ngô Thị Thương Huyền SN 1986	Thạc sỹ, 2013 Việt Nam	Kế toán	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
18	Hà Thị Hồng Nhưng, 1990	Thạc sỹ, 2015, Việt Nam	Kinh tế	2015, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
19	Hoàng Thị Lộc SN 1976, Trưởng bộ môn Thống kê – Phân tích	Thạc sỹ, 2010 Việt Nam	Kinh tế, Kinh tế NN	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
20	Nguyễn Thị Xuân SN 1975	Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	Kinh tế, Kế toán Kiểm toán	2013, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
21	Phan Thanh Hà SN 1977	Thạc sỹ, 2008 Việt Nam	Kinh tế, Kế toán phân tích	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
22	Trần Cẩm Vân SN 1983	Thạc sỹ, 2013 Việt Nam	Kế toán	2011, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
23	Đặng Thị Thảo SN1980, Trưởng khoa QTKD	Tiến sĩ, 2017, Philippin	QTKD	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
24	Lê Thị Xuân SN 1977, Trưởng bộ môn Kinh tế	Thạc sỹ, 2006 Việt Nam	Kinh tế	2003, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
25	Nguyễn Lan Anh SN 1983, phó bộ môn Quản trị kinh doanh	Thạc sỹ, 2010 Việt Nam	QTKD	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
26	Hồ Thị Hiền SN 1981, Phó khoa Quản trị kinh doanh	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	Kinh tế	2010, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
27	Hồ Thị Hoàng Lương	Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	QTKD	2008, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ	

	SN 1983				sơ	
28	Ngô Văn Chung SN 1983	Tiến sĩ, 2018 Philippin	QTKD	2013, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
29	Hoàng Nam Hưng, SN 1981	Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	Lịch sử	2008, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
30	Nguyễn Thị Kim Dung SN 1979	Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	Khoa học giáo dục	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
31	Trần Thị Bình SN 1977	Tiến sĩ, 2016, Việt Nam	Chính trị	2008, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
32	Nguyễn Thị Tùng SN 1978	Tiến sĩ, 2015, Việt Nam	Chính trị	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
33	Nguyễn Thị Thúy Cường SN 1977	Tiến sĩ, 2017, Việt Nam	Triết học	2008, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
34	Nguyễn Khánh Ly SN 1983	Thạc sĩ, 2009, Việt Nam	GDH, LL và PPDH GD chính trị	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
35	Nguy Văn Thùy SN 1976, Trưởng bộ môn Anh văn	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Tiếng Anh	2004, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
36	Trần Thị Thiên Hương SN 1979	Thạc sĩ, 2008, Việt Nam	Toán học, Giải tích toán	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
37	Phan Thị Thanh Bình SN 1979, Trưởng bộ môn Pháp luật	Thạc sĩ, 2008, Việt Nam	Luật học, Luật kinh tế	2004, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
38	Trần Thị Thu Hà SN 1977, Phó trưởng bộ môn Pháp luật	Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	Luật học, Luật Kinh tế - Quốc tế	2004, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	

39	Trần Hà Lan SN 1979, Trưởng bộ môn Toán	Thạc sỹ, 2005, Việt Nam	Toán học, Hình học	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
40	Nguyễn Thị Hoài Ly SN 1983.	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	GDH, Lý luận và PP dạy học môn TA	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
41	Cao Thị Phương Thảo SN 1980	Thạc sỹ, 2008, Việt Nam	Kỹ thuật, Công nghệ thông tin	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
42	Trần Thị Diên SN 1980	Thạc sỹ, 2013, Việt Nam	Quản lý Hành chính công	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
43	Nguyễn Thị Lan Hương SN 1976	Thạc sỹ, 2012, Việt Nam	KHGD, LL&PPDH bộ môn tiếng Anh	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
44	Hồ Thị Hương, SN 1982	Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Sư phạm, Tiếng Anh	2010, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
45	Bùi Thị Thanh SN 1980	Thạc sỹ, 2006, Việt Nam	Toán học, XS thống kê toán	2007, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
46	Nguyễn Thị Hải Hậu SN 1979, Phó trưởng bộ môn GDTC	Thạc sỹ, 2006, Việt Nam	GDH, Giáo dục thể chất	2009, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
47	Hồ Chí Quý SN 1987	Thạc sĩ, 2017 Việt Nam	Sư phạm Thể dục, GDQP	2011, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	

1.2 Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu.

Số TT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh khoa học, năm phong, học vị,	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/không đúng với hồ sơ	Ghi chú
----------	------------------------	--	---------------------------------	-----------------------------------	---------------------------------	------------

		nước năm TN				
1. Ngành: Thú y (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ 2575/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2014)						
1	Châu Thị Tâm Sinh năm: 1976 Chức vụ: Giảng viên	BSTY Việt Nam	Thú y	2009, Khoa Nông Lâm Ngư ĐH Kinh tế Nghệ An	Đúng với hồ sơ	
2	Đình Thị Thu Hương Sinh năm: 1979 Chức vụ: Trưởng phòng thanh tra	Thạc sĩ Việt Nam, 2006	Sinh học thực nghiệm	2006, Khoa Nông Lâm Ngư ĐH Kinh tế Nghệ An	Đúng với hồ sơ	
3	Nguyễn Văn Thùy, Sinh năm: 1979 Chức vụ: TBM Anh văn	Thạc sĩ Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	2004, Khoa CSCB ĐH Kinh tế Nghệ An	Đúng với hồ sơ	
2. Ngành Khoa học cây trồng (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ 2575/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2014)						
1	Nguyễn Hoàng Tiến 1979	Thạc sĩ, Việt Nam , 2013	Nông học	2009, Trường ĐHKNTA	Đúng với hồ sơ	
2	Vương Thị Thúy Hằng SN: 1978 Chức vụ: Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam , 2007	Nông học	2003, Trường ĐHKNTA	Đúng với hồ sơ	
3	Nguyễn Thị Lan Hương Sinh năm: 1976 Chức vụ: Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam 2012	KHGD, LL&PPDH bộ môn tiếng Anh	2007, Khoa CSCB ĐH Kinh tế Nghệ An	Đúng với hồ sơ	
3. Ngành Lâm Nghiệp (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ 2575/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2014)						
1	Đình Thị Thu Hương Sinh năm: 1979 Chức vụ: Trưởng	Thạc sĩ Việt Nam 2006	Sinh học thực nghiệm	2006, Khoa Nông Lâm Ngư ĐH Kinh tế	Đúng với hồ sơ	

	phòng thanh tra			Nghệ An		
2	Nguy Văn Thùy, Sinh năm: 1979 Chức vụ: TBM Anh văn	Thạc sĩ Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	2004, Khoa Nông Lâm Ngư ĐH Kinh tế Nghệ An	Đúng với hồ sơ	
3	Trần Thái Yên Sinh năm: 1975 Chức vụ: TBM QLĐĐ	Thạc sĩ Việt Nam 2007	Quản lý đất đai	2007, Khoa Nông Lâm Ngư ĐH Kinh tế Nghệ An	Đúng với hồ sơ	

4. Ngành: Quản lý đất đai (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ 2575/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2014)

1	Cao Thị Phương Thảo SN: 1980 Chức vụ: Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam , 2008	Công nghệ Thông tin	2006, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
2	Trần Thái Yên Sinh năm: 1975 Chức vụ: TBM QLĐĐ	Thạc sĩ Việt Nam 2007	Quản lý đất đai	2007, Khoa Nông Lâm Ngư ĐH Kinh tế Nghệ An	Đúng với hồ sơ	
3	Nguy Văn Thùy, Sinh năm: 1979 Chức vụ: TBM Anh văn	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Anh văn	2004, Khoa CSCB ĐH Kinh tế Nghệ An	Đúng với hồ sơ	

5. Ngành: Kế toán (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ 2574/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2014)

1	Trần Cẩm Vân Sinh năm: 1983 Chức vụ: Trưởng BM Kiểm toán	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	Kế toán	2011, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	
2	Ngô Thị Thương Huyền Sinh năm: 1986	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	Kế toán	2012, Trường ĐHKTNA	Đúng với hồ sơ	

	Chức vụ: Giảng viên					
3	Nguyễn Thị Xuân Sinh năm: 1975 Chức vụ: Giảng viên	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	Kinh tế, Kế toán Kiểm toán	2013, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
6. Ngành: Quản trị kinh doanh (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ 1115/QĐ-BGDĐT ngày 7/4/2015)						
1	Hồ Thị Hoàng Lương SN 1983 Chức vụ: Giảng viên	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	QTKD	2008, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
2	Hoàng Thị Thúy Hằng SN 1984 Chức vụ: TBM QTKD	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	QTKD	2008, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
3	Ngô Văn Chung SN 1983 Chức vụ: Giảng viên	Tiến sĩ, 2018 Philippin	QTKD	2013, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
7. Ngành: Kinh tế (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ 2574/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2014)						
1	Trần Thị Thanh Hương SN: 1984 Chức vụ: Giảng viên	Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	Kinh tế	2013, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
2	Bành Thị Vũ Hằng SN: 1985 Chức vụ: Giảng viên	Thạc sĩ, 2017, Việt Nam	Kinh tế	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
3	Trịnh Thị Lê SN: 1988 Chức vụ: Giảng viên	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Kinh tế	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
8. Ngành: Tài chính – Ngân hàng (Đăng ký mở mã ngành)						
1	Lê Thị Dung SN 1988 Chức vụ: Giảng viên	Thạc sĩ, 2014 Việt Nam	KD và QL, Tài chính- Ngân hàng	2012, Trường ĐHKTN	Đúng với hồ sơ	
2	Nguyễn Thị Thanh	Thạc sĩ, 2014,	KD và	2012,	Đúng với hồ	

Thương SN 1988 Chức vụ: Giảng viên	Việt Nam	QL, Tài chính- Ngân hàng	Trường ĐHKTNA	sơ	
---	----------	-----------------------------------	------------------	----	--

2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.

2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy.

Trường có 45 giảng đường được trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy chiếu Projector, Loa, âm li... có diện tích bình quân trên 100m²/phòng. Ngoài ra còn có 02 phòng LAB học tiếng nước ngoài với 60 ca bin gồm máy tính và các phụ kiện kèm theo; 6 phòng thực hành máy tính với 180 máy kết nối mạng LAN. (chi tiết tại bảng 2)

Bảng 2. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

T T	Loại phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			Đúng/Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học		
1	Giảng đường, phòng học	65		Projector Loa, âm li	50 10		Đúng với hồ sơ	
2	Phòng LAB học tiếng nước ngoài	2		Cabin nghe Máy vi tính kết nối mạng LAN Headphone Đầu DVD Đài cassette	60 60 60 2 6	Học tiếng nước ngoài	Đúng với hồ sơ	
3	Phòng thực hành máy tính	6	640	Máy vi tính kết nối mạng LAN	180	Thực hành tin học, kế toán máy, tin	Đúng với hồ sơ	

						học ứng dụng cho các ngành		
--	--	--	--	--	--	---	--	--

2.2 Phòng thực hành và trang thiết bị phục vụ thực hành

TT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thực hành			Đúng/không đúng với hồ sơ	Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học/học phần		
1	Phòng thực hành thực hành nghiệp vụ Tài chính – Ngân hàng	50	Máy tính	25	Kế toán Tài chính, Thị trường chứng khoán; Nghiệp vụ NHTM	Đúng với Hồ sơ	
2	Phòng thực hành thực hành nghiệp vụ Tài chính – Ngân hàng	50	Máy tính	25	Kế toán Tài chính, Thị trường chứng khoán; Nghiệp vụ NHTM	Đúng với Hồ sơ	
3	Phòng thực hành thực hành nghiệp vụ Tài chính – Ngân hàng	50	Máy tính	25	Kế toán Tài chính, Thị trường chứng khoán; Nghiệp vụ NHTM	Đúng với Hồ sơ	
4	Phòng thực hành thực hành nghiệp vụ Tài chính – Ngân hàng	50	Máy tính	25	Kế toán Tài chính, Thị trường chứng khoán; Nghiệp vụ NHTM	Đúng với Hồ sơ	
			Bộ truyền internet	3	Kế toán Tài chính, Thị trường chứng khoán; Nghiệp vụ	Đúng với Hồ sơ	

					NHTM		
			Bộ phát wifi	3	Kế toán Tài chính, Thị trường chứng khoán; Nghiệp vụ NHTM	Đúng với Hồ sơ	

2.3. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo.

Có phòng đọc và nhiều tài liệu phục vụ cho việc mượn, tra cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các học phần đáp ứng theo yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của ngành đào tạo kế toán trình độ đại học, cụ thể:

- Tổng số diện tích thư viện: 403,5m², trong đó diện tích phòng đọc: 200 m²
- Số chỗ ngồi: 100
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 50 cái
- Phần mềm quản lý thư viện: 1 bộ phần mềm
- Thư viện điện tử: có 01 thư viện điện tử phục vụ tra cứu từ xa và đọc tài liệu nội bộ của trường, thư viện chưa được kết nối với cơ sở đào tạo trong và ngoài nước;
- Số lượng đầu sách, tài liệu: 2.610 đầu sách với 21.500 bản sách; Báo và tạp chí: 62

Kết luận: Kiểm tra thực tế đúng với hồ sơ.

2.4 Danh mục Giáo trình của ngành đang đào tạo và đăng ký đào tạo.

(Chi tiết tại bảng 3)

Bảng 3: Danh mục giáo trình của các ngành đang đào tạo và đăng ký đào tạo

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/Học phần	Đúng/ không đúng HS	Ghi chú
1	Giáo trình Pháp luật Đại cương	Trần Thị Thu Hà	GT lưu hành nội bộ	2014	200	Pháp luật Đại cương	Đúng HS	
2	Giáo trình Văn bản trong quản lý	Trần Thị Diên - Nguyễn Kim Dung	GT lưu hành nội bộ	2014	200	Văn bản trong quản lý	Đúng HS	

3	New Cutting Edge Pre-intermediate	Sarah Cunningham & Peter Moor	Longman	2007	200	Tiếng Anh giao tiếp học phần 1 (Anh văn 1)	Đúng HS
4	New Cutting Edge Pre-intermediate	Sarah Cunningham & Peter Moor	Longman	2007	200	Tiếng Anh giao tiếp học phần 2 (Anh văn 2)	Đúng HS
5	English for Finance and banking	Nguyễn Thị Bích Thủy	GT lưu hành nội bộ	2009	200	Tiếng Anh chuyên ngành (Anh văn 3)	Đúng HS
6	Tin học đại cương	Đào Thị Nha Trang, Hoàng Hà, Cao Phương Thảo, Trần Thị Lê Na	GT lưu hành nội bộ	2015	200	Tất cả chuyên ngành	Đúng HS
7	Toán cao cấp	Trần Hà Lan	GT lưu hành nội bộ	2015	200	Toán cao cấp	Đúng HS
8	LT Xác suất và thống kê toán	Bùi Đình Thắng	GT lưu hành nội bộ	2015	200	LT Xác suất và thống kê toán	Đúng HS
9	Toán tài chính	Nguyễn Ngọc Định	NXB Thống kê	2004	200	Toán tài chính	Đúng HS
10	Giáo trình Pháp luật Kinh tế	Phan Thị Thanh Bình	GT lưu hành nội bộ	2014	200	Pháp luật Kinh tế	Đúng HS
11	Giáo dục thể chất	Võ Thị Nguyễn - Nguyễn Thị Hải Hậu	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An	2015	200	GDTC Học phần 1,2	Đúng HS

12	Giáo trình GDQP-AN tập 1	Đào Huy Hiệp- Nguyễn Mạnh Hưởng - Lưu Ngọc Khải - Nguyễn Hoàng Minh - Trần Đại Nghĩa - Trần Đặng Thanh - Vũ Quang Tạo - Đỗ Xuân Tảo- Hoàng Khắc Thông- Lê Doãn Thuật - Tạ Ngọc Vãng- Nguyễn Từ Vượng- Nguyễn Trọng Xuân	NXB Giáo dục	2009	200	GDQP Học phần 1,2	Đúng HS	
13	Giáo trình GDQP-AN tập 2	Nguyễn Tiến Hải- Nguyễn Hữu Hảo- Phan Tân Hung- Nguyễn Đình Lưu- Nghuyễn Thanh Nghị- Nguyễn Văn Quý- Lê Đình Thi	NXB Giáo dục	2009	200	GDQP Học phần 3,4	Đúng HS	
13	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê nin 1	Bộ GD và ĐT	NXB CTQG HCM	2017	200	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê nin 1	Đúng HS	
14	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê nin 2	Bộ GD và ĐT	NXB CTQG HCM	2017	200	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê	Đúng HS	

						nin 2		
15	Tư tưởng HCM (Dành cho SV Đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng HCM)	Bộ GD và ĐT	NXB CTQG	2011	200	Giáo trình tư tưởng HCM (Dành cho SV Đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng HCM)	Đúng HS	
16	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (Dành cho SV ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng HCM)	Bộ GD và ĐT	NXB CTQG/Sự thật	2016	200	Giáo trình Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (Dành cho SV ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng HCM)	Đúng HS	
17	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Bộ GD và ĐT	NXB KTQD	2016	200	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Đúng HS	
19	Nguyên lý kế toán	TS Dương Xuân Thao	NXB Tài chính	2015	200	Nguyên lý kế	Đúng HS	

						toán		
20	Lý thuyết thống kê	TS Dương Xuân Thao	NXB Tài chính	2015	200	Lý thuyết thống kê	Đúng HS	
21	Kế toán tài chính	Ngô Thị Thanh Hoàn và cộng sự (HP1); Phạm Đức Giáp và cộng sự (HP2); Nguyễn Thanh Vân và cộng sự (HP3)	Tài liệu lưu hành nội bộ		200	Kế toán tài chính	Đúng HS	
22	Thống kê doanh nghiệp	TS Dương Xuân Thao	NXB Tài chính	2015	200	Thống kê doanh nghiệp	Đúng HS	
23	Kế toán ngân hàng thương mại	Phan Thanh Hà	GT lưu hành nội bộ	2015	200	Kế toán ngân hàng	Đúng HS	
24	Kiểm toán báo cáo tài chính	TS Lưu Đức Tuyên; Th.S Đâu Ngọc Châu	NXB Tài chính	2010	200	Kiểm toán báo cáo tài chính	Đúng HS	
25	Giáo trình Kế toán thuế	PGS.TS Nguyễn Phú Giang; TS Lê Thị Minh Huệ	NXB Tài chính	2016	200	Kế toán thuế	Đúng HS	
26	Giáo trình Kế toán máy	Hoàng Thị Hiền, Trần Cẩm Vân, Phạm Đức Giáp	Tài liệu lưu hành nội bộ	2014	200	Kế toán máy	Đúng HS	
27	Giáo trình Thuế Nhà nước	Học viện Tài chính	NXB Tài chính	2010	200	Thuế Nhà nước	Đúng HS	
28	Lý thuyết Tài chính Tiền tệ	Ths. Phạm Thị Mai Hương	Lưu hành nội bộ	2014	200	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	Đúng HS	
29	Bảo hiểm đại cương	PGS.TS Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế Quốc dân	2010	200	Bảo hiểm đại cương	Đúng HS	

30	Thị trường chứng khoán	Ths. Nguyễn Thị Ngọc Liên	Tài liệu lưu hành nội bộ		200	Thị trường Chứng khoán	Đúng HS	
31	Tài chính doanh nghiệp I	Bùi Văn Vân	NXB Tài chính	2013	200	Tài chính doanh nghiệp 1	Đúng HS	
31	Tài chính doanh nghiệp II	Bùi Văn Vân	NXB Tài chính	2013	200	Tài chính doanh nghiệp 2	Đúng HS	
33	Nghiệp vụ NHTM	PGS.TS. Nguyễn Thị Mùi	Nxb Học viện Tài chính	2010	200	Nghiệp vụ NHTM1	Đúng HS	
34	Nghiệp vụ NHTM	PGS.TS. Phan Thị Thu Hà	Đại học kinh tế quốc dân	2013	200	Nghiệp vụ NHTM2	Đúng HS	
35	Kinh tế bảo hiểm	TS. Phạm Thị Định	Đại học Kinh tế quốc dân	2015	200	Kinh tế bảo hiểm	Đúng HS	
36	Quantitative methods in Finance	Corol Alexander	John Wiley&Sons Ltd	2008	200	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính	Đúng HS	
37	Nghiệp vụ ngân hàng TW	PGS.TS. Lê Thị Mận	Nxb Lao động xã hội	2012	200	Nghiệp vụ ngân hàng TW	Đúng HS	
38	Quản trị rủi ro tài chính	PGS. TSNguyễn Minh Kiều	NXB Tài chính	2012	200	Quản trị rủi ro tài chính	Đúng HS	
39	Phân tích TCDN	Ngô Thế Chi Nguyễn Trọng Cơ	NXB Tài chính	2010	200	Phân tích TCDN	Đúng HS	
40	Thẩm định TCDADT	PGS. TS Lư thị Hương	NXB Thống kê	2004	200	Thẩm định TCDAD T	Đúng HS	
41	TCQT	PGS.TS Nguyễn Văn Tiến	Nxb Thống kê	2010	200	TCQT	Đúng HS	
42	Định giá TS	TS. Nguyễn Minh Hoàng	Nxb Tài chính	2011	200	Định giá TS	Đúng HS	

43	TC công	TS.Phạm Văn Khoan	Học Viện Tài Chính	2016	200	TC công	Đúng HS	
44	Hải quan cơ bản	PGS.TS Hoàng Trần Hậu, PGS.TS Nguyễn Thị Thương Huyền	NXB Tài chính	2011	200	Nghiệp vụ Hải quan	Đúng HS	
45	Văn hóa kinh doanh	TS. Dương Xuân Thao	ĐH Kinh tế QD	2015	200	Văn hóa kinh doanh	Đúng HS	
46	Giáo trình Kinh tế học Vi mô	ThS. Lê Thị Xuân	ĐH Kinh tế NA	2016	200	Kinh tế học Vi mô	Đúng HS	
47	Giáo trình Kinh tế học Vĩ mô	PGS. TS. Nguyễn Văn Dần	NXB Tài Chính	2010	200	Kinh tế học Vĩ mô	Đúng HS	
48	Quản trị học	ThS. Hoàng Thị Thúy Hằng	ĐH Kinh tế NA	2016	200	Quản trị học	Đúng HS	
49	Kinh tế đầu tư	PGS. TS. Nguyễn Bạch Nguyệt, TS. Từ Quang Phương	ĐH Kinh tế Quốc dân	2010	200	Kinh tế đầu tư	Đúng HS	
50	Giáo trình Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	Ths. Hồ Hoàng Lương	ĐH Kinh tế NA	2016	200	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	Đúng HS	
51	Toán kinh tế	Trần Xuân Sinh	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	200	Toán Kinh tế	Đúng HS	
52	New International Business English	Leo Jones and Richard Alexan	Cambridge University Press	2003	200	Ngoại ngữ chuyên ngành Quản trị kinh doanh	Đúng HS	
53	Kinh tế phát triển	Đình Phi HỒ, Lê Ngọc Uyển, Lê thị Thanh Tùng	NXB Thống kê	2006	200	Kinh tế phát triển	Đúng HS	

54	Kinh tế lượng	Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Thị Minh	NXB KTQD	2011	200	Kinh tế lượng	Đúng HS	
55	Kế toán quản trị	PGS.TS Vương Đình Huệ, TS Đoàn Xuân Tiên	Nxb Tài chính	2002	200	Kế toán quản trị	Đúng HS	
56	Nghiệp vụ Kiểm toán	PGS.TS Nguyễn Đình Hựu	Nxb Tài chính	2004	200	Lý thuyết kiểm toán	Đúng HS	
57	Lý thuyết thống kê	PGS.TS Trần Thị Kim Thu	ĐH Kinh tế quốc dân	2012	200	Phân tích hoạt động kinh doanh	Đúng HS	
58	Tài chính doanh nghiệp	PGS.TS Nguyễn Đình Kiệm	Học viện Tài chính	2013	200	<i>Tài chính doanh nghiệp</i>	Đúng HS	
59	Marketing căn bản	GS.TS Trần Minh Đạo	NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân	2012	200	Marketing căn bản	Đúng HS	
60	Văn hóa kinh doanh	PGS.TS Dương Thị Liễu	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	2011	200	Văn hóa doanh nghiệp	Đúng HS	
61	Kinh tế quốc tế	GS.TS Đỗ Đức Bình, PGS.TS Nguyễn Thường Lạng	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012	200	Kinh tế quốc tế	Đúng HS	
62	Quản trị Marketing	Ths. Ngô Minh Cách; TS. Đào Thị Minh Thanh	NXB Tài chính	2013	200	Quản trị Marketing	Đúng HS	
63	Quản trị chiến lược	Đại học Kinh tế Quốc dân	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	200	Quản trị chiến lược	Đúng HS	
64	Quản lý chất lượng trong các tổ chức	Tạ Thi Kiều An, Ngô Thị Ánh, Nguyễn Văn Hoá, Nguyễn Hoàng Kiệt, Đinh Phương	NXB Thống kê	2004	200	Quản trị chất lượng	Đúng HS	

		Vương						
65	Quản trị Tài chính doanh nghiệp	TS. Lê Văn Khâm	NXB Tài chính	2011	200	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Đúng HS	
66	Quản lý dự án	PGS.TS Từ Quang Phương	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	200	Quản trị dự án đầu tư	Đúng HS	
67	Quản trị doanh nghiệp thương mại	PGS.TS. Hoàng Minh Đường - Nguyễn Thừa Lộc	NXB Lao động – Xã hội	2005	200	Quản trị doanh nghiệp thương mại	Đúng HS	
68	Quản trị tác nghiệp	TS Trương Đức Lực, TS Nguyễn Đình Trung	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2013	200	Quản trị tác nghiệp	Đúng HS	
69	Quản trị nguồn nhân lực	Đại học Kinh tế quốc dân	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2010	200	Quản trị nguồn nhân lực	Đúng HS	
70	Quản trị kinh doanh	GS TS Nguyễn Thành Độ	NXB ĐH kinh tế quốc dân	2007	200	Quản trị kinh doanh	Đúng HS	
71	Kỹ năng quản trị	Trường ĐH kinh tế quốc dân	NXB kinh tế quốc dân	2012	200	Kỹ năng quản trị	Đúng HS	
72	Giao tiếp trong kinh doanh	Trường ĐH kinh tế quốc dân	NXB kinh tế quốc dân	2012	200	Giao tiếp trong kinh doanh	Đúng HS	
73	Hệ thống thông tin quản lý	TS. Trần Thị Song Minh	NXB đại học kinh tế quốc dân		200	Hệ thống thông tin quản lý	Đúng HS	
74	GT Hóa học Đại cương	Dương Văn Đạm	NXB Nông nghiệp HN	2008	5	Hóa học đại cương	Đúng HS	
75	GT Vật lý	Trần Đình Đông (CB)	NXB Nông nghiệp	2013	5	Vật lý đại cương	Đúng HS	
76	Sử dụng Autocart 2004	Nguyễn Hữu Lộc	NXB Tổng hợp TP HCM	2006	5	Tin học Autocart	Đúng HS	

77	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý đất đai	Nguyễn Thị Bích Thủy	Lưu hành nội bộ	2007	500	Anh văn CN QLDD	Đúng HS	
78	Giáo trình Sinh thái môi trường	Phạm Văn Phê	NXBNông nghiệp Hà Nội	2006	5	Sinh thái môi trường	Đúng HS	
79	Bài giảng Tài nguyên thiên nhiên	Trương Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội		2013	5	Tài nguyên thiên nhiên	Đúng HS	
80	Giáo trình trắc địa	Nguyễn Trọng Tuyển	NXBNông nghiệp Hà Nội	1999	5	Trắc địa 1	Đúng HS	
81	Giáo trình trắc địa	Nguyễn Trọng Tuyển	NXB Nông nghiệp Hà Nội	1999	5	Trắc địa 2	Đúng HS	
82	Giáo trình trắc địa ảnh viễn thám	Đàm Xuân Hoàn	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2008	5	Trắc địa ảnh	Đúng HS	
83	Giáo trình Thổ nhưỡng	PGS.TS. Trần Văn Chính	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2006	5	Thổ nhưỡng	Đúng HS	
84	Đánh giá đất	PGS.TS.Vũ Thị Bình	NXB Nông nghiệp Hà Nội	1998	5	Đánh giá đất	Đúng HS	
85	Tin học ứng dụng	ThS. Trần Quốc Vinh	NXB Đại học NN Hà Nội	2012.	5	Tin học ứng dụng đo vẽ bản đồ	Đúng HS	
86	Đánh giá tác động môi trường	PGS.TS. Nguyễn Đình Mạnh	NXBNông nghiệp Hà Nội	2005	5	Đánh giá tác động môi trường	Đúng HS	
87	Giáo trình Quản lý nguồn nước	GS.TS. Phạm Ngọc Dũng	NXBNông nghiệp Hà Nội	2005	5	Quản lý nguồn nước	Đúng HS	
88	Bản đồ học	TS. Trần Trọng Phương	NXBNông nghiệp Hà Nội	2013	5	Bản đồ học	Đúng HS	
89	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế -	PGS.TS.Vũ Thị Bình	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2008	5	QH tổng thể phát triển	Đúng HS	

	Xã hội					KTXH		
90	Dân số và Môi trường	PGS.TS Trịnh Khắc Thẩm	NXB Lao động- Xã hội	2007	5	Dân số học và môi trường	Đúng HS	
91	Quy hoạch sử dụng đất	Đoàn Công Quỳ	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2006	5	QH sử dụng đất	Đúng HS	
92	Quy hoạch phát triển nông thôn	PGS.TS.VũThị Bình	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2006	5	QH PT nông thôn	Đúng HS	
93	Quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn	PGS.TS.VũThị Bình	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2008	5	QHSD đất ĐT và KDC nông thôn	Đúng HS	
94	Bài giảng Bản đồ địa chính	PGS. TS Nguyễn Thanh Trà và KS. Ngô Thị Hà	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2004	5	Bản đồ địa chính	Đúng HS	
95	Bài giảng Quản lý hành chính về đất đai	ThS Đỗ Đức Hạnh	Đại học Nông Nghiệp 1 Hà Nội	2010	5	Quản lý hành chính về đất đai	Đúng HS	
96	Bài giảng Đăng ký thống kê đất đai	ThS Đỗ Đức Hạnh	Đại học Nông Nghiệp 1 Hà Nội	2010	5	Bài giảng Đăng ký thống kê đất đai	Đúng HS	
97	Bài giảng Luật đất đai	ThS Vũ Văn Tuấn Ths Lê Thị Yên	NXB Đại học NN I Hà Nội	2012	5	Pháp luật đất đai	Đúng HS	
98	Giáo trình Thanh tra đất đai	ThS Đỗ Thị Đức Hạnh	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2011	5	Thanh tra đất đai	Đúng HS	
99	Giáo trình Kinh tế đất	PGS.TS Ngô Đức Cát	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2007	5	Kinh tế đất	Đúng HS	
100	Giáo trình Định giá đất	TS. Hồ Thị Lam Trà	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2006	5	Định giá đất	Đúng HS	

101	Giáo trình Thị trường bất động sản	PGS.TS. Nguyễn Thanh Trà	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2005	5	Thị trường bất động sản	Đúng HS	
102	Bài giảng Bồi thường giải phóng mặt bằng	KhoaTNMT, Trường ĐHNN Hà Nội		2012	5	Bồi thường hỗ trợ tái định cư	Đúng HS	
103	Bài giảng Hệ thống thông tin đất đai	ThS Phạm Văn Vân	NXB Nông Nghiệp.	2010	5	Hệ thống thông tin đất	Đúng HS	
104	Bài giảng Thuế nhà đất	Nguyễn Văn Quân, Bùi Nguyên Hạnh,		2013	5	Thuế bất động sản	Đúng HS	
105	Giáo trình Hệ thống thông tin địa lý	Trần Thị Băng Tâm	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2006	5	Hệ thống thông tin địa lý	Đúng HS	
106	Bài giảng Quy hoạch cảnh quan sinh thái	Đỗ Quang Huy, Lưu Quang Vinh	Trường ĐH Lâm Nghiệp Hà Nội	2006	5	Quy hoạch cảnh quan	Đúng HS	
107	Bài giảng Tài nguyên đất và môi trường	Trường đại học TNMT Hà Nội		2012	5	Tài nguyên đất và môi trường	Đúng HS	
108	Hệ thống nông nghiệp	GS.TS. Phạm Tiến Dũng, PGS.TS. Vũ Đình Tân	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2013	5	Hệ thống nông nghiệp	Đúng HS	
109	Bài giảng Quản lý môi trường	Lý Thị Thu Hà Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	2012	5	Quản lý môi trường	Đúng HS	
110	Cây trồng đại cương	Nguyễn Ích Tân, Đại học Nông nghiệp Hà Nội	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2010	5	Cây trồng đại cương	Đúng HS	

111	Bài giảng Môi trường và PT	Trường đại học kinh tế Nghệ An		2013		Môi trường và phát triển	Đúng HS	
112	Bài giảng Hệ thống định vị toàn cầu	TS Huỳnh Văn Chương, ThS Phạm Gia Tùng Đại học NL Huế		2012		Hệ thống định vị toàn cầu	Đúng HS	
113	GT Hóa phân tích	Nguyễn Trường Sơn (CB)	Nông nghiệp HN	2007	5	Hóa học phân tích	Đúng HS	
114	Sinh học phân tử đại cương	PGS TS Phan Hữu Tôn	Nông nghiệp, Hà Nội	2009	5	Sinh học phân tử	Đúng HS	
115	GT Sinh học Đại cương	Lê Mạnh Dũng (CB)	Nông nghiệp HN	2013	5	Sinh học đại cương	Đúng HS	
116	GT Vật lý	Trần Đình Đông (CB)	Nông nghiệp, Hà Nội	2	5	Vật lý đại cương	Đúng HS	
117	Hóa sinh đại cương	Ngô Xuân Mạnh	Nông nghiệp, Hà Nội	2010	2	Hóa sinh đại cương	Đúng HS	
118	Giáo trình Công nghệ sinh học	Nguyễn Quang Thạch	Nông nghiệp, Hà Nội	2005	2	Công nghệ sinh học	Đúng HS	
119	Lâm học	Phạm Xuân Hoàn (CB)	Nông nghiệp, Hà Nội	2003	15	Kỹ thuật lâm sinh	Đúng HS	
120	Kỹ thuật lâm sinh nâng cao	Phạm Xuân Hoàn (CB)	Nông nghiệp, Hà Nội	2011	10	Kỹ thuật lâm sinh	Đúng HS	
121	Thống kê sinh học	Nguyễn Hải Tuất (CB)	Nông nghiệp, Hà Nội	2009	5	Thống kê lâm nghiệp	Đúng HS	
122	Giáo trình Thống kê toán học trong lâm nghiệp,	Ngô Kim Khôi	Nông nghiệp, Hà nội	1997	15	Thống kê lâm nghiệp	Đúng HS	
123	Tin học ứng dụng trong lâm nghiệp	Ngô Kim Khôi (CB)	Nông nghiệp, Hà nội	2001	5	Thống kê lâm nghiệp	Đúng HS	

124	Xây dựng và quản lý dự án lâm nghiệp xã hội	Lê Sĩ Việt (CB)	ĐH Lâm Nghiệp	1999	5	Xây dựng và quản lý dự án lâm nghiệp xã hội	Đúng HS	
125	Khoa học gỗ	Lê Xuân Tình	Nông Nghiệp	1998	10	Khoa học gỗ	Đúng HS	
126	Khai thác và vận chuyển lâm sản	Trịnh Hữu Trọng (CB)	Nông Nghiệp	2001	10	Khai thác lâm sản	Đúng HS	
127	Khai thác lâm sản	Trần Mỹ Thắng	ĐH Lâm nghiệp	2001	5	Khai thác lâm sản	Đúng HS	
128	Sản lượng rừng	Vũ Tiến Hinh	Nông nghiệp, Hà nội	2003	5	Sản lượng rừng	Đúng HS	
129	Kinh tế lâm nghiệp	Nhiều tác giả	Nông nghiệp, Hà nội	2010	10	Kinh tế lâm nghiệp	Đúng HS	
130	Địa lý sinh vật	Lê Vũ Khôi (CB)	ĐH Quốc Gia Hà Nội	2001	2	Địa lý sinh vật	Đúng HS	
131	Giống cây rừng	Lê Đình Khả (CB)	Nông nghiệp, Hà nội	2003	5	Giống cây rừng	Đúng HS	
132	Sinh lý thực vật	Nhiều tác giả	Nông nghiệp, Hà nội	2006	5	Sinh lý thực vật	Đúng HS	
133	Giáo trình sinh lý thực vật	Hoàng Minh Tuấn	Nông nghiệp, Hà nội	2006	5	Sinh lý thực vật	Đúng HS	
134	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nguyễn Trọng Bình	Tài liệu lưu hành nội bộ, ĐHLN	2012	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Đúng HS	
135	Nông lâm kết hợp	Đoàn Văn Điềm (CB)	Khoa học tự nhiên và công nghệ Hà Nội	2010	5	Nông lâm kết hợp	Đúng HS	

136	Sinh thái rừng	Hoàng Kim Ngũ (CB)	Nông nghiệp Hà Nội	2005	10	Sinh thái rừng	Đúng HS	
137	Sinh thái rừng	Nguyễn Văn Thêm	Nông nghiệp Hà Nội	2002	10	Sinh thái rừng	Đúng HS	
138	Bài giảng: Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý và viễn thám trong lâm nghiệp	Chu Ngọc Thuần	Nông nghiệp Hà Nội	2003	1	Ứng dụng GIS trong lâm nghiệp	Đúng HS	
139	Lâm nghiệp xã hội đại cương	Nguyễn Bá Ngãi (CB)	Nông nghiệp Hà Nội	2006	5	Lâm nghiệp xã hội	Đúng HS	
140	Đông vật rừng	Phạm Nhật (CB)	Nông nghiệp Hà Nội	1998	5	Đông vật rừng	Đúng HS	
141	Khuyến lâm	Đình Đức Thuận (CB)	Nông Nghiệp Hà Nội	2006	5	Khuyến lâm	Đúng HS	
142	Bảo Vệ Thực Vật	Nguyễn Thế Nhã (CB)	Nông Nghiệp Hà Nội	2004	5	Côn trùng lâm nghiệp	Đúng HS	
143	Côn trùng học, tập 1	Nguyễn Thế Nhã	Nông Nghiệp Hà Nội	2009	5	Côn trùng lâm nghiệp	Đúng HS	
144	Giáo trình Đa dạng sinh học	Lê Mạnh Dũng	Nông Nghiệp Hà Nội	2010	5	Đa dạng sinh học	Đúng HS	
145	Bài giảng Thực vật học	Hoàng Hoa Quế và Nguyễn Thị Dân	Lưu hành nội bộ ĐHLN	1993	1	Thực vật rừng	Đúng HS	
146	Hình thái và phân loại thực vật	Lê Thị Huyền, Nguyễn Tiến Hiệp	Nông Nghiệp Hà Nội	2004	1	Hình thái và PLTV	Đúng HS	
147	Hình thái-Giải phẫu học thực vật	Hoàng Thi Sản, Hoàng Thị Bé	Giáo dục	2001	1	Hình thái và PLTV	Đúng HS	

148	Hệ thống học thực vật	Nguyễn Nghĩa Thìn, Đặng Thị Sy	Đại học QGHN	2004	1	Hình thái và PLTV	Đúng HS	
149	Phân loại học thực vật	Hoàng Thị Sản	Giáo dục	1999	1	Hình thái và PLTV	Đúng HS	
150	Phân loại thực vật học (tập 2)	Lương Ngọc Toàn (CB)	Đại học và THCN	1978	1	Hình thái và PLTV	Đúng HS	
151	Đất lâm nghiệp	Hà Quang Khải (CB)	Nông Nghiệp Hà Nội	2002	5	Đất lâm nghiệp	Đúng HS	
152	Trồng rừng	Ngô Quang Đê, Nguyễn Hữu Vĩnh	Nông Nghiệp Hà Nội	1997	5	Trồng rừng, Nông lâm kết hợp	Đúng HS	
153	Bệnh cây rừng	Trần Văn Mão	Nông Nghiệp Hà Nội	1997	1	Bệnh cây rừng, Trồng rừng,	Đúng HS	
154	Điều tra rừng	Vũ Tiến Hình (CB)	Nông Nghiệp Hà Nội	1997	5	Điều tra rừng	Đúng HS	
155	Bệnh cây học	Phạm Quang Thu	Nông Nghiệp Hà Nội	2009	5	Bệnh cây học, Trồng rừng	Đúng HS	
156	Khí tượng thủy văn	Vương Văn Quỳnh (CB)	Nông Nghiệp Hà Nội	1996	5	Khí tượng thủy văn	Đúng HS	
157	Quy hoạch lâm nghiệp	Lê Sĩ Việt Trần Hữu Viên	Nông Nghiệp Hà Nội	1999	5	Quy hoạch lâm nghiệp	Đúng HS	
158	Lửa rừng	Bé Minh Châu (CB)	Nông Nghiệp Hà Nội	2002	5	Lửa rừng	Đúng HS	
159	Đo đạc lâm nghiệp	Vũ Tiến Hình (CB)	Nông Nghiệp Hà Nội	1992	5	Đo đạc lâm nghiệp	Đúng HS	
160	Môi trường và phát triển	Trần Thị Thúy Nga	Tài liệu lưu hành nội bộ, ĐH Kinh tế	2014	1	Môi trường và phát triển	Đúng HS	

161	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	Nguyễn Thị Bích Thủy	Lưu hành nội bộ	2006	200	Anh văn 3	Đúng HS	
162	Kinh tế vi mô I	PGS.TS Nguyễn Văn Dần	Tài chính, Hà Nội	2011	200	Kinh tế vi mô I	Đúng HS	
163	Kinh tế vĩ mô I	PGS.TS Nguyễn Văn Dần	Tài chính, Hà Nội	2010	200	Kinh tế vĩ mô I	Đúng HS	
164	Kinh tế vi mô II	PGS.TS. Cao Thúy Xiêm (Chủ biên)	ĐH Kinh tế QĐ	2012	200	Kinh tế vi mô II	Đúng HS	
165	Kinh tế vĩ mô II	PGS.TS. Nguyễn Văn Dần	Tài chính, Hà Nội	2012	200	Kinh tế vi mô II	Đúng HS	
166	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Nguyễn Thị Cảnh	ĐH KT Hồ Chí Minh	2004	200	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Đúng HS	
167	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	(Giáo trình nội bộ)	ĐH QG Hà Nội	2008	200	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	Đúng HS	
168	Phân tích lợi ích chi phí	Trần võ Hùng Sơn (chủ biên)	ĐH KT Hồ Chí Minh	2003	200	Phân tích lợi ích chi phí	Đúng HS	
169	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Duy Khánh	Tài chính	2014	200	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	Đúng HS	
170	Kinh tế học và những vấn đề xã hội	Ansel M.Sharp Charles A.Register Paulw Grimes	Lao động, Hà Nội	2005	200	Kinh tế học và những vấn đề xã hội	Đúng HS	
171	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế	GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng, PGS.TS. Nguyễn Xuân Thiên	ĐH Quốc gia Hà Nội	2010	200	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế	Đúng HS	

172	Quản trị doanh nghiệp	PGS.TS. Ngô Kim Thanh	ĐH Kinh tế QĐ	2012	200	Quản trị doanh nghiệp	Đúng HS	
174	Thực tập giáo trình KTTC							
175	Kinh tế môi trường	PGS.TS Hoàng Xuân Cơ	Viện ĐHMở Hà Nội	2010	200	Kinh tế môi trường	Đúng HS	
176	Kinh tế học công cộng	Bộ môn Kinh tế công cộng	ĐH Kinh tế QĐ	2005	200	Kinh tế học công cộng	Đúng HS	
177	Kinh tế quản lý	TS. Vũ Kim Dũng; PGS.TS Cao Thúy Xiêm	ĐH Kinh tế QĐ	2010	200	Kinh tế quản lý	Đúng HS	
178	Kinh tế nguồn nhân lực	PGS.TS Trần Xuân Cầu PGS.TS Mai Quốc Chánh	ĐH Kinh tế QĐ	2012	200	Kinh tế nguồn nhân lực	Đúng HS	
179	Tài chính doanh nghiệp	Lưu Thị Hương	ĐH Kinh tế QĐ	2008	200	Tài chính doanh nghiệp	Đúng HS	
180	Kinh tế các ngành sản xuất	Học viện Tài chính	Tài chính	2004	200	Kinh tế các ngành sản xuất	Đúng HS	
181	GT Hóa phân tích	Nguyễn Trường Sơn (CB)	NXB Nông nghiệp HN	2007	5	Hóa học phân tích	Đúng HS	
182	Sinh học phân tử đại cương	PGS TS Phan Hữu Tôn	NXB Nông nghiệp	2009	5	Sinh học phân tử	Đúng HS	
183	GT Xử lý dữ liệu trong nông nghiệp	Nguyễn Đình Hiền	Trường ĐH Nông nghiệp HN	2006	5	Tin học UD trong NN	Đúng HS	
184	GT Hóa học hữu cơ	Đình Văn Hùng (CB)	NXB Nông nghiệp HN	2007	5	Hóa học hữu cơ	Đúng HS	
185	Tiếng Anh chuyên ngành khoa học cây trồng	Đặng Thị Thu Dung	Lưu hành nội bộ	2006	5	Anh văn CN KHCT	Đúng HS	

186	Xã hội học	Lương Văn Úc	NXB đại học kinh tế quốc dân	2009	5	Xã hội học	Đúng HS	
187	Hóa sinh đại cương	Ngô Xuân Mạnh	NXBNN	2010	2	Hóa sinh thực vật	Đúng HS	
188	Côn trùng nông nghiệp	Nguyễn Đức Khiêm	NXBNN	2006	2	Côn trùng nông nghiệp	Đúng HS	
189	Bệnh cây nông nghiệp	Vụ Triệu Mân	NXBNN	2007	2	Bệnh cây nông nghiệp	Đúng HS	
190	Cây rau	Tạ Thu Cúc	NXBNN	2007	2	Cây rau	Đúng HS	
191	Phòng trừ dịch hại cây trồng tổng hợp	Hà Quang Hùng	NXBNN	1998	2	Quản lý dịch hại tổng hợp	Đúng HS	
192	Phương pháp thí nghiệm	Nguyễn Thị lan	NXBNN	2006	2	Phương pháp thí nghiệm	Đúng HS	
193	Nông lâm kết hợp	Đoàn Văn Điềm	NXBKHTN	2012	2	Nông lâm kết hợp	Đúng HS	
194	Sinh lý thực vật	Hoàng Minh Tấn	NXBNN	2006	2	Sinh lý thực vật	Đúng HS	
195	Kiểm dịch thực vật và dịch hại nông sản sau thu hoạch	Hà Quang Hùng	NXBNN	2005	2	Kiểm dịch thực vật	Đúng HS	
196	Khuyến nông	Nguyễn Văn Long	NXBNN	2005	2	Khuyến nông	Đúng HS	
197	Dâu tằm-Ong mật	Nguyễn Văn Long	NXBNN	2005	2	Dâu tằm	Đúng HS	
198	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	Nguyễn Trần Oánh	NXBNN	2007	2	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	Đúng HS	

199	Cây công nghiệp	Đoàn Thị Thanh Nhân	NXBNN	2006	2	Cây công nghiệp	Đúng HS	
200	Cây lương thực	Nguyễn Hữu Tề	NXBNN	2006	2	Cây lương thực	Đúng HS	
201	Chọn giống cây trồng	Vũ Đình Hòa	NXBNN	2005	2	Chọn giống cây trồng	Đúng HS	
102	Di truyền học	Nguyễn Hồng Minh	NXBNN	1999	2	Di truyền thực vật	Đúng HS	
203	Khí tượng nông nghiệp	Đoàn Văn Điềm	NXBNN	2005	2	Khí tượng nông nghiệp	Đúng HS	
204	Sinh thái nông nghiệp	Trần Danh Thìn	NXBNN	2010	2	Sinh thái nông nghiệp	Đúng HS	
205	Hệ thống canh tác	Nguyễn Tất Cảnh	NXBNN	2008	2	Canh tác và quản lý cỏ dại	Đúng HS	
206	Bảo quản nông sản		NXBNN	2008	2	Bảo quản nông sản	Đúng HS	
207	Phân bón I	Nguyễn Như Hà	NXBNN	2010	2	Phân bón	Đúng HS	
208	Thủy nông cải tạo đất	Phạm Ngọc Dũng	NXBNN	2008	2	Thủy nông	Đúng HS	
209	Giáo trình cây ăn quả	GS Trần Thế Tục	NXBNN Hà Nội	1998	2	Cây ăn quả	Đúng HS	
210	Giáo trình Công nghệ sinh học	GS.TS. Nguyễn Quang Thạch	NXBNN Hà Nội.	2005	2	Công nghệ sinh học đại cương	Đúng HS	
211	Hệ thống nông nghiệp	GS.TS. Phạm Tiến Dũng	NXBNN Hà Nội	2013	2	Hệ thống nông nghiệp	Đúng HS	
212	Cây hoa	GS.TS. Đào Thanh Vân, ThS. Đặng	NXBNN Hà Nội	2007	2	Hoa cây cảnh và thiết kế	Đúng HS	

		Thị Tố Nga				cảnh quan		
213	Cây thế Việt Nam nghệ thuật- kỹ thuật và đạo chơi	Lê Quang Khang, Phan Văn Minh	NXBVH dân tộc	2000	2	Hoa cây cảnh và thiết kế cảnh quan	Đúng HS	
214	Tài liệu tổng hợp về cây xanh- cảnh quan	Hà Thanh Hoàng	TP. Hồ Chí Minh	2009	2	Hoa cây cảnh và thiết kế cảnh quan	Đúng HS	
215	Kỹ thuật trồng nấm năng suất cao	Lê Vệ Hồng	NXB Hồng Đức	2013	2	Kỹ thuật trồng nấm	Đúng HS	
216	Kỹ thuật nuôi trồng nấm mỡ, nấm rơm, nấm sò, nấm hương và mộc nhĩ	PGS.TS Đường Hồng Dật	NXB Hà Nội	2007	2	Kỹ thuật trồng nấm	Đúng HS	
217	Quản lý cây trồng tổng hợp	TS. Trần Đăng Hoà	Trường ĐH Nông Lâm Huế	2009	2	Quản lý cây trồng tổng hợp	Đúng HS	
218	Giáo trình Thỏ nhưỡng học	PGS.TS. Trần Văn Chính	NXBNN Hà Nội	2006	2	Thỏ nhưỡng	Đúng HS	
219	Thực vật học	Đỗ Hoàng Chung	NXBNN Hà Nội	2013	2	Thực vật học	Đúng HS	
220	Giáo trình Vi sinh vật học đại cương	Nguyễn Như Thanh	NXBNN Hà Nội	2004	2	Vi sinh vật học đại cương	Đúng HS	
221	Giáo trình Xây dựng và quản lý dự án	Từ Quang Hiền	NXBNN Hà Nội	2007	2	Xây dựng và quản lý dự án nông nghiệp	Đúng HS	
222	Những NLCB của CN	Nguyễn Việt Thông	Chính trị quốc gia	2010	500	Những NL cơ bản	Đúng HS	

	Mác Lênin					của chủ nghĩa Mác-Lênin		
223	Những NLCB của CN Mác Lênin	NguyễnViết Thông	Chính trị quốc gia	2009	1143	Những NL cobản của CN Mác-Lênin	Đúng HS	
224	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	NguyễnViết Thông	Chính trị quốc gia	2009	1200	Đường lối cách mạng củaĐCS VN	Đúng HS	
225	Tư tưởng Hồ Chí Minh	NguyễnViết Thông	CT quốc gia	2009	1200	Tư tưởng HồChí Minh	Đúng HS	
226	Tiếng Anh cơ bản	Phan VănQuế	Thế giới	2009	3	Ngoại ngữ cơ bản	Đúng HS	
227	Business Basics	DavidGrant and	Thế giới	2004	1	Ngoại ngữ cơ bản	Đúng HS	
228	Toán cao cấp	Đỗ Văn Chí	Tài chính	2009	10	Toán cao cấp	Đúng HS	
229	Bài tập toán cao cấp	Nguyễn Đình Trí	Giáo dục	2008	10	Toán cao cấp	Đúng HS	
230	Xác suất & thống kêtoán	Phạm Đình Phùng	Tài chính	2010	5	Xác suất và thống kê toán	Đúng HS	
231	BT xác suất & thống kê toán	Phạm Đình Phùng	Tài chính	2009	10	Xác suất và thống kê toán	Đúng HS	
232	Pháp luật đại cương	Lê Thị Thanh & cs	Tài chính	2009	5	Pháp luật đại cương	Đúng HS	
233	Tin học đại cương	Lê Thị Thanh Lưu	Tài chính	2009	10	Tin học đại cương	Đúng HS	
234	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (Tập	Đào Huy Hiệp		2008	188	Giáo dục quốc phòng	Đúng HS	

	1)							
235	Giáo dục quốc phòng an ninh (Tập 2)	Nguyễn Tiến Hải	Giáo dục	2009	200	Giáo dục quốc phòng	Đúng HS	
236	Marketing	Ngô Minh Cách	Tài chính	2010	5	Marketing căn bản	Đúng HS	
237	Marketing căn bản	Ngô Minh Đạo	ĐHKQTĐ	2010	10	Marketing căn bản	Đúng HS	
238	Hoá sinh đại cương	Ngô Xuân Mạnh và cs	Nông nghiệp	2010	10	Hoá sinh đại cương	Đúng HS	
239	GT Luật đại cương	Nguyễn Hợp Toàn (CB)	Trường ĐH KT Quốc dân	2012	5	Pháp luật Đại cương	Đúng HS	
240	New headway – Elementary	Liz & John Soars	Đại học QG Hà Nội	2003	5	Anh văn 1	Đúng HS	
241	New headway – Pre-Intermediate	Liz & John Soars	Đại học QG Hà Nội	2003	5	Anh văn 2	Đúng HS	
242	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế	Lê Đình Thúy (CB)	NXB ĐH Kinh tế QĐ	2012	5	Toán cao cấp (Khối Kinh tế)	Đúng HS	
243	GT Tin học Đại cương	PGS TS Hàn Viêt Thuận	NXB ĐH Kinh tế QĐ	2010	5	Tin học đại cương	Đúng HS	
244	Lý thuyết XS và Thống kê toán	PGS.TS. Nguyễn Cao Văn (CB)	NXB ĐH Kinh tế QĐ	2012	5	Lý thuyết XS và Thống kê	Đúng HS	
245	Giáo dục thể chất	Võ Thị Nguyên	Tài liệu nội bộ	2008	1	Giáo dục thể chất	Đúng HS	
246	Toán kinh tế	Trần Xuân Sinh	NXB Đại học QG HN	2007	5	Toán kinh tế	Đúng HS	

247	GT Luật kinh tế	Nguyễn Hợp Toàn (CB)	Trường ĐH KT Quốc dân	2013	5	Pháp luật kinh tế	Đúng HS	
248	GT Hóa học Đại cương	Dương Văn Đạm	NXB Nông nghiệp HN	2008	5	Hóa học đại cương	Đúng HS	
249	GT Xử lý dữ liệu trong nông nghiệp	Nguyễn Đình Hiền	Trường ĐH Nông nghiệp HN	2006	5	Tin học UD trong NN	Đúng HS	
250	Dân số học	Tổng Văn Đường (CB)	NXB Giáo dục	1997	5	Dân số học	Đúng HS	
251	Basic Business	David Grant and Robert McLarty	NXB Hải Phòng	2007	5	Anh văn CN Quản trị KD	Đúng HS	
252	Tiếng Anh chuyên ngành Thú y	Nguyễn Thị Bích Thủy	Lưu hành nội bộ	2006	5	Anh văn CN CNTY	Đúng HS	
253	Tiếng Anh chuyên ngành Lâm nghiệp	Nguyễn Văn Thùy	Lưu hành nội bộ	2007	5	Anh văn CN Lâm nghiệp	Đúng HS	
254	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý đất đai	Nguyễn Thị Bích Thủy	Lưu hành nội bộ	2007	5	Anh văn CN QLĐĐ	Đúng HS	
245	Tiếng Anh chuyên ngành khoa học cây trồng	Đặng Thị Thu Dung	Lưu hành nội bộ	2006	5	Anh văn CN KHCT	Đúng HS	
246	GT Toán cao cấp	Lê Đức Vĩnh (CB)	NXB ĐH Nông nghiệp	2013	5	Toán cao cấp (Khối Kỹ thuật)	Đúng HS	
247	Kiểm nghiệm thú sản	Nguyễn Thị Bình Tâm	KHTN và CN Hà nội	2010	10	Kiểm nghiệm thú sản	Đúng HS	
248	Dược lý học thú y	Phạm Khắc Hiếu	Nông nghiệp I HN	1967	10	Dược lý học thú y	Đúng HS	
249	Phẫu thuật ngoại khoa TY	Huỳnh Văn Kháng	NN I Hà Nội	1996	10	Phẫu thuật ngoại khoa TY	Đúng HS	

250	Sinh sản gia súc	Trần Tiến Dũng	NN I Hà Nội	2010	10	Sinh sản gia súc	Đúng HS	
251	Độc chất học thú y	Đậu Ngọc Hào	NNI HN	2007	10	Độc chất học thú y	Đúng HS	
252	Dược liệu thú y	Bùi Thị Tho	Nông nghiệp HN	2009	10	Dược liệu thú y	Đúng HS	
253	Miễn dịch học thú y	Nguyễn Bá Hiên	Đại học Nông nghiệp	2009	10	Miễn dịch học thú y	Đúng HS	
254	Dinh dưỡng gia súc và thức ăn gia súc	Vũ Duy Giảng	Nông nghiệp HN	2001	10	Dinh dưỡng gia súc và thức ăn gia súc	Đúng HS	
255	Giải phẫu gia súc	Phạm Thị Xuân Vân	Nông nghiệp	2001	10	Giải phẫu gia súc	Đúng HS	
256	Sinh lý học gia súc	Trần Cừ, Cù Xuân Dần	Nông thôn	1977	10	Sinh lý học gia súc	Đúng HS	
257	Bệnh truyền nhiễm thú y	Nguyễn Bá Hiên Huỳnh Thị Mỹ Lệ	Ngông Nghiệp	2012	10	Bệnh truyền nhiễm thú y	Đúng HS	
258	Vi sinh vật đại cương	Nguyễn Như Thanh	Hà Nội	1990	10	Vi sinh vật đại cương	Đúng HS	
259	Vi sinh vật thú y	Nguyễn Như Thanh & cs	Nông nghiệp	2001	10	Vi sinh vật thú y	Đúng HS	
260	Tổ chức học và phôi thai (mô học)	Nguyễn Xuân Hoạt, Phạm Đức Lộ	ĐH và THCN	1980	10	Tổ chức học và phôi thai (mô học)	Đúng HS	
261	Dịch tễ học thú y	Nguyễn Như Thanh (CB)	KHKT và CN Hà Nội	2011	10	Dịch tễ học thú y	Đúng HS	
262	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	Phan Lục	Nông nghiệp. Hà Nội	1997	10	Ký sinh trùng và bệnh KST thú	Đúng HS	

						y		
263	Luật thú y	Bùi Quang Anh	ĐH Nông nghiệp Hà Nội		10	Luật thú y	Đúng HS	
264	Bệnh học thuỷ sản	Đỗ Thị Hoà và cs	TP. Hồ Chí Minh	2004	10	Bệnh học thuỷ sản	Đúng HS	
265	Chăn nuôi trâu bò	Nguyễn Xuân Trạch	NN I Hà Nội	2006	10	Chăn nuôi trâu bò	Đúng HS	
266	Chăn nuôi lợn	Vũ Đình Tôn	NN I Hà Nội	2009	10	Chăn nuôi lợn	Đúng HS	
267	Chăn nuôi gia cầm	Nguyễn Thị Mai	NN I Hà Nội	2009	10	Chăn nuôi gia cầm	Đúng HS	
268	Chăn nuôi dê thỏ	Đình Văn Bình	Nông nghiệp	2008	10	Chăn nuôi dê thỏ	Đúng HS	
269	Tiếng La tinh	Nguyễn Đình Nhung	ĐH NN 1	1998	10	Tiếng La tinh	Đúng HS	
270	Chẩn đoán bệnh thú y	Chu Đức Thắng	ĐH NN 1	2008	10	Chẩn đoán bệnh thú y	Đúng HS	
271	Bệnh Ngoại khoa gia súc	Huỳnh Văn Kháng	Nông nghiệp	2001	10	Bệnh Ngoại khoa gia súc	Đúng HS	
272	Bệnh nội khoa gia súc	Chu Đức Thắng	NN I Hà Nội	2006	10	Bệnh nội khoa gia súc	Đúng HS	
273	Bệnh chó mèo	Nguyễn Văn Thanh	ĐH NN Hà Nội	2012	10	Bệnh chó mèo	Đúng HS	
274	Sinh lý học gia súc	Nguyễn Xuân Tịnh và cs	NN I HN	1996	10	Sinh lý học gia súc	Đúng HS	
275	Thiết kế thí nghiệm	Nguyễn Đình Hiền	Nông nghiệp Hà Nội	2007	10	Thiết kế thí nghiệm	Đúng HS	

276	GT Giáo dục quốc phòng (Tập 1, 2)	Đào Duy Hiệp (CB)	Giáo dục	2008	200	Giáo dục quốc phòng	Đúng HS	
277	Nguyên lý thống kê kinh tế	PGS.TS Trần Thị Kim Thu	ĐHKT Quốc dân	2012	200	Lý thuyết thống kê	Đúng HS	
278	Nguyên lý kế toán	Dương Xuân Thao Ngô Thị Thanh Hoàn	Lưu hành nội bộ	2014	200	Nguyên lý kế toán	Đúng HS	
279	Thị trường chứng khoán	Bạch Đức Hiền	Tài chính	2009	200	Thị trường CK	Đúng HS	
280	Thống kê doanh nghiệp	GS.TS Phạm Ngọc Kiểm PGS.TS Nguyễn Công Nhự TS. Bùi Đức Triệu	Thống kê	2009	200	Thống kê doanh nghiệp	Đúng HS	
281	Kế toán tài chính 1	Dương Xuân Thao Ngô Thị Thanh Hoàn Trần Cẩm Vân	Lưu hành nội bộ	2014	200	Kế toán tài chính 1,2,3	Đúng HS	
282	Kế toán tài chính 2	Dương Xuân Thao Ngô Thị Thanh Hoàn Trần Cẩm Vân	Lưu hành nội bộ	2014	200	Kế toán tài chính 1,2,3	Đúng HS	
283	Kế toán tài chính 3	Dương Xuân Thao Ngô Thị Thanh Hoàn Trần Cẩm Vân	Lưu hành nội bộ	2014	200	Kế toán tài chính 1,2,3	Đúng HS	
284	Thực hành KTTC	Ngô Thị Thanh Hoàn Trần Cẩm Vân	Lưu hành nội bộ	2014	200	Thực hành KTTC	Đúng HS	
285	Kế toán quản trị	Hoàng Thị Hiền	Lưu hành nội bộ	2014	200	Kế toán quản trị	Đúng HS	

286	Kế toán trên máy	Trần Cẩm Vân Hoàng Thị Hiền Phạm Đức Giáp	Lưu hành nội bộ	2014	200	Kế toán trên máy	Đúng HS	
287	Phân tích hoạt động kinh doanh	GS.TS Nguyễn Văn Công	ĐHKT Quốc dân	2013	200	Phân tích hoạt động KD	Đúng HS	
288	Lý thuyết kiểm toán	TS. Nguyễn Viết Lợi Ths Đậu Ngọc Châu	Tài chính	2013	200	Lý thuyết kiểm toán	Đúng HS	
289	Kiểm toán báo cáo tài chính	TS. Nguyễn Viết Lợi Ths Đậu Ngọc Châu	Tài chính	2013	200	Kiểm toán BCTC	Đúng HS	
290	Kế toán công	Ngô Thị Thanh Hoàn Lê Thị Yên	Lưu hành nội bộ	2014	200	Kế toán công	Đúng HS	
291	Quản lý Tài chính công	Phạm Văn Khoan	Tài chính	2010	200	Tài chính công	Đúng HS	
292	Kế toán ngân hàng thương mại	Ngô Thị Thanh Hoàn Phan Thanh Hà	Lưu hành nội bộ	2014	200	Kế toán ngân hàng thương mại	Đúng HS	
293	Kinh tế vi mô	PGS.TS. Nguyễn Văn Dần	Tài chính	2011	200	Kinh tế vi mô	Đúng HS	
294	Kinh tế vĩ mô	PGS.TS. Nguyễn Văn Dần	Tài chính	2010	200	Kinh tế vĩ mô	Đúng HS	
295	Quản trị đại cương	Trần Anh Tài	ĐHQG Hà Nội	2013	200	Quản trị học đại cương	Đúng HS	
296	Kinh tế phát triển	PGS.TS Phạm Ngọc Linh	ĐHKT Quốc dân	2005	200	Kinh tế phát triển	Đúng HS	
297	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	TS Trần Văn Hòe	ĐHKT Quốc dân	2009	200	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	Đúng HS	

2.5 Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

(Chi tiết tại bảng 4)

Bảng 4: Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

T T	Học phần	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, số, tập, năm xuất bản	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Pháp luật đại cương	Tội phạm và trách nhiệm hình sự	Trịnh Tiến Việt	NXB ĐH Quốc gia, 2013	Đúng HS	
		Sự hạn chế quyền lực Nhà nước	Nguyễn Đăng Dung	NXB ĐH Quốc gia, 2013	Đúng HS	
		Tư tưởng Việt Nam về quyền con người	Phạm Hồng Thái	NXB ĐH Quốc gia, 2016	Đúng HS	
		Hiến pháp: những vấn đề lý luận và thực tiễn	Vũ Công Giao	NXB ĐH Quốc gia, 2011	Đúng HS	
2	Văn bản trong quản lý	Kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh	TS. Nguyễn Thế Phán (chủ biên)	NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân	Đúng HS	
3	Tiếng Anh 1	1. Solutions Pre-intermediate	Paul A Davies & Tim Falla	NXB Oxford, tái bản lần thứ 2, 2009	Đúng HS	
		2. English Grammar in Use	Raymond Murphy	NXB Cambridge University, Tái bản lần thứ 4, 2012	Đúng HS	
4	Tiếng Anh 2	1. Solutions Pre-intermediate	Paul A Davies & Tim Falla	NXB Oxford, tái bản lần thứ 2, 2009	Đúng HS	
		2. English Grammar in Use	Raymond Murphy	NXB Cambridge University, Tái bản lần thứ 4, 2012	Đúng HS	
5	Tiếng Anh chuyên ngành	Check your English Vocabulary for	Jon Marks	NXB A&C Black. London, tái bản lần thứ	Đúng HS	

		Banking and Finance		2		
6	Tin học đại cương	Giáo trình “Tin học đại cương”	PSG.TS. Hàn Viết Thuận (chủ biên)	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2010	Đúng HS	
7	Toán cao cấp	Toán cao cấp 1, 2, 3	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục, 2015	Đúng HS	
		Bài tập Toán cao cấp 1, 2, 3	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục, 2015	Đúng HS	
8	LT Xác suất và thống kê toán	Giáo trình lý thuyết và xác suất thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015	Đúng HS	
9	Toán tài chính	Nhập môn Toán tài chính	GS Nguyễn Tiến Dũng, GS Đỗ Đức Thái	Sputnik education, 2014	Đúng HS	
10	Luật Kinh tế	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật hợp đồng ở Việt Nam hiện nay	Nguyễn Như Phát	NXB ĐH Quốc gia, 2013	Đúng HS	
		Pháp luật về góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam	Doãn Hồng Nhung	NXB ĐH Quốc gia, 2012	Đúng HS	
		Bài tập tình huống Luật Kinh doanh	Ngô Huy Chương	NXB ĐH Quốc gia, 2013	Đúng HS	
11	Giáo dục thể chất	Luật bóng chuyền, luật cầu lông, luật điền kinh	Luật bóng chuyền FIVB, Luật cầu lông BWF, Luật điền kinh		Đúng HS	
12	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê nin 1	Hướng dẫn học tập những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin	Ths. Đỗ Việt Hùng	KHXH; 2016	Đúng HS	

13	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê nin 2	Kinh tế tư nhân một động lực cơ bản cho phát triển	PGS.TS Vũ Hùng Cường	KHXH	Đúng HS	
14	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hỏi đáp Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc, tôn giáo	Nhiều tác giả	QĐND; 2008	Đúng HS	
15	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Cương lĩnh chính trị - ngọn cờ tư tưởng lý luận chỉ đạo sự nghiệp cách mạng của chúng ta	Nguyễn Phú Trọng	CTQG; 2011	Đúng HS	
16	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Hướng dẫn học tập lịch sử các học thuyết kinh tế	Mai Ngọc Cường Trần Việt Tiến	NXB Tài chính; 2010	Đúng HS	
17	Xã hội học	Hỏi đáp xã hội học đại cương	TS. Lưu Hồng Minh	Nxb Chính trị- Hành chính	Đúng HS	
18	Nguyên lý kế toán	Giáo trình Nguyên lý kế toán	Đoàn Xuân Tiên	NXB Tài chính	Đúng HS	
19	Lý thuyết thống kê	Giáo trình Lý thuyết thống kê	PGS.TS Phạm Thị Kim Vân, TS Chu Văn Tuấn	NXB Tài chính, 2013	Đúng HS	
20	Kế toán tài chính	GT Kế toán tài chính	GS.TS.NGND Ngô Thế Chi, PGS.TS. Trương Thị Thủy	NXB Tài chính; 2013.	Đúng HS	
21	Thống kê doanh nghiệp	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	PGS.TS Phạm Thị Kim Vân, TS Chu Văn Tuấn	NXB Tài chính, 2013	Đúng HS	
22	Kế toán ngân hàng thương mại	Giáo trình Kế toán ngân hàng thương mại	PGS.TS Hà Minh Sơn, TS. Hà Văn Lộc	NXB Tài chính, 2010	Đúng HS	
23	Kiểm toán báo cáo tài chính	Lý thuyết kiểm toán	GS.TS Nguyễn Quang Quỳnh TS. Nguyễn Thị Phương Hoa	NXB Tài chính	Đúng HS	
24	Kế toán thuế	Giáo trình Thuế		NXB Thống kê,	Đúng HS	

				2007		
25	Kế toán máy	Tài liệu hướng dẫn phần mềm kế toán Misa	Công ty CP Misa		Đúng HS	
26	Thuế Nhà nước	Giáo trình Thuế (Dùng cho không chuyên ngành)	Nguyễn Thị Liên Nguyễn Văn Hiệu	NXB Tài chính; 2009	Đúng HS	
		GT Lý thuyết Thuế	Đỗ Đức Minh Nguyễn Việt Cường	NXB Tài chính; 2010	Đúng HS	
27	Lý thuyết Tài chính Tiền tệ	Lý thuyết Tài chính Tiền tệ	PGS.TS Nguyễn Hữu Tài	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2007	Đúng HS	
28	Bảo hiểm đại cương	Giáo trình Bảo hiểm	PGS.TS. Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế quốc dân - 2012	Đúng HS	
29	Thị trường chứng khoán	Giáo trình Thẩm định tài chính dự án đầu tư	PGS. TS Lưu Thị Hương	NXB Thống kê 2004	Đúng HS	
30	TCDN1	Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp	TS. Bùi Văn Vân	Nxb Tài chính, 2014	Đúng HS	
31	TCDN2	Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp	TS. Bùi Văn Vân	Nxb Tài chính, 2014	Đúng HS	
32	Nghiệp vụ NHTM1	Giáo trình Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại	PGS.TS. Nguyễn Thị Mùi	Nxb Học viện Tài chính, 2010	Đúng HS	
33	Nghiệp vụ NHTM2	Giáo trình Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại	PGS.TS. Phan Thị Thu Hà	Đại học kinh tế quốc dân - 2013	Đúng HS	
34	Kinh tế bảo hiểm	Giáo trình Kinh tế Bảo hiểm	TS. Phạm Thị Định	Đại học Kinh tế quốc dân - 2015	Đúng HS	
35	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính	Quantitative methods in Finance	Keith Parramore, Terry Watsham	Thomson, 1997	Đúng HS	

36	Nghiệp vụ ngân hàng TW	Giáo trình Nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương	PGS.TS. Lê Thị Mận	Nxb Lao động xã hội-2012	Đúng HS	
37	Quản trị rủi ro tài chính	Giáo trình Quản trị rủi ro tài chính	TS. Vương Quốc Duy - TS. Lê Long Hậu - ThS. Huỳnh Thị Tuyết Sương - ThS. Nguyễn Hồ Anh Khoa - ThS. Phạm Xuân Minh	NXB Đại học Cần Thơ	Đúng HS	
38	Phân tích TCDN	Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp	GS.TS.NGND Ngô Thế Chi; PGS.TS. Nguyễn Trọng Cơ	NXB Tài chính, 2011	Đúng HS	
39	Thẩm định TCDAĐT	Lập Dự án đầu tư	Đại học Kinh tế quốc dân	NXB Thống kê, 2005	Đúng HS	
40	TCQT	Giáo trình Tài chính quốc tế	PGS.TS Nguyễn Văn Tiến	Nxb Thống kê, 2010	Đúng HS	
41	Định giá TS	Giáo trình Định giá Tài sản	TS. Nguyễn Minh Hoàng	Nxb Tài chính 2011	Đúng HS	
42	TC công	Giáo Trình Quản lý Tài chính công	TS.Phạm Văn Khoan	Học Viện Tài Chính - 2016	Đúng HS	
43	Nghiệp vụ Hải quan	Kỹ thuật nghiệp vụ Hải quan và XNK – Lý thuyết và tính huống ứng dụng	Nguyễn Thị Thương Huyền	NXB Tài chính, 2008	Đúng HS	
44	Văn hóa kinh doanh	Giáo trình Văn hóa kinh doanh	Dương Thị Liễu	NXB ĐH kinh tế quốc dân, 2011	Đúng HS	
45	Kinh tế học Vi mô	Giáo trình Kinh tế học Vi mô 1	PGS. TS. Nguyễn Văn Dần	NXB Tài Chính, 2011	Đúng HS	
46	Kinh tế học Vĩ mô	Giáo trình Kinh tế học Vi mô 1	PGS. TS. Nguyễn Văn Dần	NXB Tài Chính, 2010	Đúng HS	
47	Quản trị học	Giáo trình quản trị học	Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Ngọc	NXB Giao thông	Đúng HS	

			Huyền	vận tải, 2008		
48	Kinh tế đầu tư	Giáo trình Kinh tế đầu tư	PGS. TS. Nguyễn Bạch Nguyệt, TS. Từ Quang Phương	NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, 2010	Đúng HS	
49	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	Giáo trình Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	Vũ Hữu Tửu	NXB Giáo Dục 2007	Đúng HS	

2.6 Danh sách các cơ sở thực hành, thực tập ngoài cơ sở đào tạo.

1. Ngân hàng OCEANBANK Nghệ An
2. Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An

(Kèm theo hợp đồng đào tạo giữa Trường ĐH Kinh tế Nghệ An và các Ngân hàng, Doanh nghiệp)

Nghệ An, ngày tháng năm 2018

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)